

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mạc Thị Thanh Huyền

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mạc Thị Thanh Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Mạc Thị Thanh Huyền

Mã SV: 1612401019

Lớp : QT2001K

Ngành : Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty
cổ phần vận tải biển Hùng Vương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Tìm hiểu lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016 /TT-BTC

Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Đánh giá những mặt ưu điểm , khuyết điểm trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng , trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm , lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu năm 2019 tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Biển Hùng Vương

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty Cổ Phần Vận Tải Biển Hùng Vương

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị : Thạc Sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 10 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Lê Thị Nam Phương
Đơn vị công tác: khoa quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: Mạc Thị Thanh Huyền Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán.
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

Có tinh thần thái độ nghiêm túc trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

Thực hiện đúng tiến độ, đúng nội dung theo sự hướng dẫn của giáo viên.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Khóa luận đảm bảo chất lượng của một khóa luận tốt nghiệp hệ cử nhân, bao gồm 3 chương

- Chương 1: Lý luận chung
- Chương 2 : Thực tiễn tại doanh nghiệp
- Chương 3 : Các giải pháp đề xuất

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Nam Phương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ THEO TT 133/2016	2
1.1 Tổng quát chung về nguyên vật liệu.....	2
1.1.1. Khái niệm về nguyên vật liệu.....	2
1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu.....	2
1.1.4 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.4 Phân loại nguyên vật liệu.....	3
1.2 Đánh giá nguyên vật liệu	4
1.2.1. Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế.....	5
1.2.2 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho	7
1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	9
1.3.1 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu	9
1.3.2 Một số chứng từ được sử dụng	10
1.3.3 Tài khoản sử dụng	10
1.3.4 Các Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	12
1.3.4.1 Phương pháp thẻ song song	13
1.3.4.2 Phương pháp sổ số dư	14
1.3.4.3 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	16
1.3.5 Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	17
1.3.5.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên theo Thông Tư 133/2016.....	17
1.3.5.2 : Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ theo Thông Tư 133/2016.....	19
1.4. Các hình thức sổ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp TT133/2016	21
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	21
1.4.1.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	23
1.4.1.3. Kế toán hình thức nhật ký chứng từ.....	25
1.4.1.4. Kế toán hình thức trên máy tính.....	27
PHẦN 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CPVTB HÙNG VƯƠNG.	29
2.1 Tổng quát chung về công ty CPVTB Hùng Vương.....	29

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	29
2.1.2 Tổng quan về lĩnh vực hoạt động của Công ty	29
2.1.3. Đặc điểm hệ thống bộ máy tổ chức quản lý Công ty.....	30
2.1.4 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán Công ty.....	32
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Công ty vận tải biển Hùng Vương.	32
2.2.1 Đặc điểm, Phân loại nguyên vật liệu tại công ty.....	32
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty.....	32
2.2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu	33
2.2.2 Chứng từ sử dụng tại công ty CPVTB Hùng Vương.....	33
2.2.3. Hình thức tổ chức sổ kế toán áp dụng tại công ty.....	33
2.2.4 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP VTB Hùng Vương.....	35
2.2.4.1 Cách tính giá nhập, xuất kho, nguyên vật liệu tại công ty.	35
2.2.4 Kế toán hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty CPVTB Hùng Vương.....	53
2.2.4.1. Chứng từ được sử dụng :	53
2.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng	53
2.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	53
PHẦN 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP VTB HÙNG VƯƠNG..	58
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP VTB Hùng Vương.	58
3.1.1 Đánh giá chung.....	58
3.1.2 Ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty	58
3.1.3 : Nhược điểm của công tác kế toán trong doanh nghiệp.....	60
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty	60
3.2.1 Hoàn thiện hiện đại hóa Công tác kế toán	61
3.1.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	65
3.1.3 Hoàn thiện công tác kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm	65
3.1.4. Một số giải pháp khác	67
KẾT LUẬN	68
TÀI LIỆU THAM KHẢO	70

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song	14
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp Thẻ sổ số dư.....	15
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp Sổ đối chiếu luân chuyển	16
Sơ đồ 1.4 : Kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên TT133/2016.....	18
Sơ đồ 1.5 : Kế toán tổng hợp theo phương pháp kiểm kê định kỳ TT133/2016	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	22
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán hình thức Nhật Ký – Sổ Cái.....	24
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ ghi sổ kế toán hình thức nhật ký chứng từ.....	26
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức máy vi tính	27
Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	30
Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	31
Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung	34
Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song	37
Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty CPVTB Hùng Vương.....	54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT	39
Biểu số 2.2: Phiếu Nhập Kho	40
Biểu số 2.3: Giấy đề nghị cung cấp vật tư	41
Biểu số 2.4 : Phiếu xuất kho.....	42
Biểu số 2.5 : Thẻ kho	43
Biểu số 2.6 : Sổ chi tiết vật liệu	44
Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT	46
Biểu số 2.8 : Phiếu Nhập Kho	47
Biểu số 2.9: Giấy đề nghị xuất vật tư.....	48
Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho.....	49
Biểu số 2.11 : Thẻ kho	50
Biểu số 2.12 : Sổ chi tiết vật liệu	51
Biểu số 2.13 : Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu	52
Biểu số 2.1.4: <i>Trích sổ Nhật ký chung</i>	56
Biểu số 2.1.5 : Trích sổ Nhật ký chung.....	57

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế hiện nay, Đất nước ta đang trong quá trình hội nhập với khác trong khu vực và trên thế giới. Kéo theo sự phát triển của kinh tế là cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức với các doanh nghiệp trong nước. Những vấn đề về cạnh tranh trong thời điểm hiện nay ngày càng khốc liệt. Các doanh nghiệp cần phải nắm rõ được tình hình thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp để đưa ra những đề án phát triển tốt nhất.

Trong doanh nghiệp, Nguyên Vật Liệu được coi là chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất sản phẩm. Nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác quản lý và hạch toán chính xác một cách hợp lý chính xác đầy đủ và hiệu quả góp phần giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty , em đã đi sâu tìm hiểu , nghiên cứu đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hùng Vương** ”

Nội dung của đề tài khóa luận chia làm 3 phần :

Phần I : Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Phần II : Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty .

Phần III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần vận tải biển Hùng Vương .

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ còn nhiều hạn chế , bài luận văn của em vẫn còn nhiều thiếu sót . Em mong nhận được sự góp ý của thầy , cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô Lê Thị Nam Phương đã giúp em hoàn thành bài luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ THEO TT 133/2016

1.1 Tổng quát chung về nguyên vật liệu

1.1.1. Khái niệm về nguyên vật liệu

Là đối tượng lao động do doanh nghiệp mua ngoài hoặc tự chế biến, dự trữ, để phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm. Các nguyên vật liệu đều tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định. Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển trực tiếp vào sản phẩm là căn cứ để tính giá thành

1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động, chúng sẽ bị tiêu hao toàn bộ, hoặc thay đổi hình thái ban đầu để tạo ra vật chất hình thái của sản phẩm

1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu

Là một trong những yếu tố trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm, chất lượng của nguyên vật liệu cũng sẽ ảnh hưởng lên chất lượng của sản phẩm. Nguyên vật liệu đảm bảo về số lượng, đa dạng về chủng loại ... vì vậy có tác động đến chất lượng sản phẩm

Nguyên vật liệu liên quan trực tiếp tới tiến độ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Thiếu nguyên vật liệu hoặc cung ứng không đủ số lượng đề ra công việc sản xuất sẽ bị đình trệ. Nếu doanh nghiệp cung ứng nguyên vật liệu kịp thời với giá cả hợp lý sẽ tạo cho điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ quá trình sản xuất . Vì vậy nguyên liệu có ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh và lợi nhuận doanh nghiệp.

1.1.4 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu của quá trình sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp. Nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong tổng phí sản

xuất. Vì vậy yêu cầu quản lý phải chặt chẽ từ khâu thu mua đến khâu bảo quản, dự trữ và sử dụng.

- **Khâu thu mua:** Quản lý chặt chẽ trong quá trình thu mua về các mặt số lượng, chất lượng, mẫu mã, giá mua và chi phí mà cũng như kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phải phân tích tình hình thu mua nguyên vật liệu, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua sao cho phù hợp

- **Khâu bảo quản :** Đảm bảo tốt các khu bến bãi, nhà kho để bảo quản được vật liệu, phương tiện vận chuyển linh hoạt phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại vật tư nhằm hạn chế được những rủi ro không đáng có, đảm bảo được an toàn vật tư về cả số lượng và chất lượng đúng theo kế hoạch đã đề ra.

- **Khâu dự trữ :** Lập dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại, đảm bảo cho việc sản xuất không bị đình trệ, song song cũng không được dự trữ vượt mức chỉ tiêu đề ra sẽ gây ra việc ứ đọng trong sản xuất.

- **Khâu dự trữ :** Sử dụng hợp lý, tiết kiệm đúng với tiêu hao, đúng về mặt số lượng, chủng loại, và dự toán chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí và giá thành.

1.1.4 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại nguyên vật liệu là việc sắp xếp các loại nguyên vật liệu thành từng loại, từng thứ nguyên vật liệu, theo những tiêu thức nhất định phục vụ cho yêu cầu quản lý.

Mỗi loại doanh nghiệp, Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và hạch toán chi tiết, cụ thể của từng Doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu luôn được chia thành từng nhóm, từng quy cách khác nhau và có thể được ký hiệu riêng. Nguyên vật liệu được phân chia theo các cách dưới đây:

Phân loại theo vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh

- Nguyên vật liệu chính : Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh

nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- **Vật liệu phụ:** Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- **Nhiên liệu:** Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- **Phụ tùng thay thế:** Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất,..

- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

1.2 Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những quy tắc nhất định đảm bảo yêu cầu trực tiếp khách quan

- Mục đích đánh giá nguyên vật liệu:
 - + Tổng hợp lại các nguyên vật liệu khác nhau để lập báo cáo nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu
 - + Giúp kế toán hạch toán đúng, chính xác bằng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

* Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

Theo chuẩn mực 02, kế toán nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu phản ánh theo giá gốc (giá thực tế), nghĩa là khi nhập kho phải tính toán và

phản ánh theo giá thực tế, khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định.

Do đặc điểm của nguyên vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu của công tác quản trị nguyên vật liệu phù hợp kịp thời cho việc cung cấp hàng ngày, tình hình biến động và số hiện có của nguyên vật liệu nên trong công tác kế toán quản trị nguyên vật liệu còn có thể đánh giá theo hạch toán tùy theo yêu cầu của quản lý từng loại doanh nghiệp.

Dù đánh giá theo hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập- xuất nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp theo giá thực tế.

1.2.1. Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế

* Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho trong hạch toán, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế (Giá gốc)

❖ Đối với nguyên vật liệu mua ngoài

Giá thực tế	Giá mua	Các loại thuế không	Các khoản
NVL mua	= ghi trên	+ Chi phí	+ được khấu trừ,
Groài	hóa đơn	mua	không được hoàn lại
			- giảm
			trừ

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn : Là giá trị hàng hóa trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng :
 - + Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua thực tế là giá không có thuế GTGT đầu vào.
 - + Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế thì giá mua thực tế là giá mua đã có thuế GTGT.
- Chi phí thu mua : bao gồm về chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, ... nguyên vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, chi phí có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có)
- Các khoản giảm trừ : chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán ...

❖ Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến

Trị giá thực tế vật liệu do tự chế biến nhập lại kho bao gồm trị giá thực tế của vật liệu xuất ra để chế biến và chi phí chế biến.

Gía thực tế NVL Nhập kho	=	Gía thực tế của NVL xuất gia công Chế biến	+	Chi phí gia công chế biến
-----------------------------	---	--	---	------------------------------

❖ **Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công:**

Trị giá thực tế vật liệu thuê ngoài gia công nhập lại kho bao gồm trị giá thực tế của vật liệu xuất ra để thuê ngoài gia công, chi phí gia công và chi phí vận chuyển từ kho của doanh nghiệp đối với gia công, và từ nơi gia công về lại kho của doanh nghiệp.

Gía thực Tế nhập kho	=	Gía thực tế thuê ngoài gia công chế biến	+	Chi phí vận chuyển bốc dỡ	+	Chi phí thuê ngoài gia công chế biến
----------------------------	---	---	---	---------------------------------	---	--

❖ **Nguyên vật liệu được cấp:**

Gía thực tế của NVL được cấp	=	Gía theo biên bản giao nhận	+	Chi phí vận chuyển bốc xếp bảo quản (nếu có)
---------------------------------	---	--------------------------------	---	--

❖ **Nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh, cổ phần**

Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh, góp vốn cổ phần là giá thực tế các bên tham gia góp vốn chấp nhận.

Gía thực Tế nhập kho	=	Gía thỏa thuận giữa các bên tham gia góp vốn	+	Chi phí liên quan (nếu có)
-------------------------	---	--	---	-------------------------------

❖ **Nguyên vật liệu được tặng, biếu tặng, tài trợ:**

Gía gốc NVL Nhận biếu tặng Nhập kho	=	Gía trị hợp lý ban đầu của những NVL tương đương	+	Chi phí khác liên quan đến việc tiếp nhận
---	---	--	---	--

1.2.2 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Khi xuất kho nguyên vật liệu sử dụng cho quá trình sản xuất thực tế nguyên vật liệu xuất dung. Vì nguyên vật liệu được nhập kho ở thời điểm khác nhau theo những nguồn nhập khác nhau và theo giá thực tế nhập kho khác nhau, doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau đây:

❖ *Phương pháp tính theo giá đích danh :*

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá thực tế của từng thứ hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm xuất ra nên doanh nghiệp nào thường có ít mặt hàng ổn định và dễ nhận diện.

* Ưu điểm, nhược điểm của phương pháp

- Ưu điểm :

Phương pháp này đặt nguyên tắc phù hợp kế toán lên hàng đầu, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Cả giá trị của hàng xuất kho bán với giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Nhược điểm :

phương pháp đòi hỏi phải theo dõi chi tiết từng lô hàng nhập xuất. Những doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, hàng tồn kho theo từng lô hàng dễ nhận diện thì tính giá theo phương pháp này.

Gía trị hàng	Số lượng hàng xuất	Đơn giá xuất
Xuất trong kỳ	=	trong kỳ X tương ứng

❖ *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)*

Phương pháp được áp dụng tuân thủ theo nguyên tắc hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ

* Ưu điểm, nhược điểm của phương pháp

- Ưu điểm :

Phương pháp giúp cho doanh nghiệp tính ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép. Trị giá vốn hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó.

- Nhược điểm :

doanh thu của doanh nghiệp hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có từ rất lâu. Nếu như số lượng, chủng loại nhiều, phát sinh liên tục dẫn đến chi phí cho việc hạch toán sẽ tăng lên nhiều.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Phương pháp này, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình từng loại hàng tồn đầu kỳ, và giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất ngay trong kỳ.

Gía thực		Số lượng		Đơn giá thực
Té xuất kho	=	xuất kho	X	té bình quân

- Tính giá bình quân có thể chia làm 2 trường hợp :

+ **Trường hợp 1 : Tính theo đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)**

Theo phương pháp, thì sau mỗi lần nhập, phải xác định đơn giá bình quân của từng loại nguyên vật liệu. Sau đó căn cứ vào hóa đơn giá bình quân và số lượng nguyên vật liệu xuất kho giữa hai lần nhập kế tiếp để xác định giá trị thực tế của hàng xuất kho

Đơn giá bình		Gía thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập
Quân sau mỗi	=	_____
Lần nhập		Lượng thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần
nhập		

* Ưu điểm, nhược điểm của phương pháp:

- Ưu điểm :

Tính theo giá xuất kho phương pháp bình quân gia quyền sau một lần nhập (bình quân liên hoàn) : đơn giá bình quân tính sát thời điểm, cung cấp kịp thời thông tin cho nghiệp vụ.

- **Nhược điểm :**

Công việc tính toán nhiều, mất nhiều thời gian, phù hợp doanh nghiệp ít hàng tồn kho, khối lượng nhập xuất ít

+ **Trường hợp 2 : Tính theo giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ**

Đơn giá bình Quân cả kỳ	=	Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ	+	Gía trị thực tế NVL nhập trong kỳ
		<hr style="width: 50%; margin: 0 auto;"/>		
		Số lượng NVL tồn Đầu kỳ	+	Số lượng nhập trong kỳ

* Ưu điểm, nhược điểm của phương pháp:

- **Ưu điểm :** Tính theo giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ, đơn giản, dễ làm
- **Nhược điểm :** Độ chính xác không cao. Công việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công việc quyết toán, đồng thời sử dụng phương pháp phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu

- Kế toán nguyên vật liệu chịu trách nhiệm liên quan đến ghi chép, phản ánh đầy đủ tình hình thu mua, dự trữ, nhập và xuất nguyên vật liệu.
- Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng ít nhất là một trong niên độ kế toán. Kế toán nguyên vật liệu cần tính toán chính xác, phân bổ rõ ràng giá trị của nguyên vật liệu và sử dụng vào chi phí sản xuất theo đúng quy định.
- Kiểm tra cũng phải cẩn thận, kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện các kế hoạch như thu mua, kiểm tra tình hình dự trữ, và tiêu hao mức nguyên vật liệu phát hiện và xử lý kịp thời vật liệu thừa, ứ đọng, kém chất lượng

- Tham gia kiểm kê đánh giá lại vật liệu, theo đúng chế độ của nhà nước quy định, lập các báo cáo, sổ sách về nguyên vật liệu để phục vụ cho công việc quản lý chặt chẽ hơn.

1.3.2 Một số chứng từ được sử dụng

Để làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu, doanh nghiệp cần phải sử dụng nhiều loại chứng từ khác nhau.

Theo điều 10 thông tư 133/2016 /TT-BTC quy định:

Các chứng từ kế toán đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc), doanh nghiệp được tự thiết kế mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng vẫn phải đảm bảo các nội dung chủ yếu và phải đảm bảo cung cấp những thông tin quy định của luật kế toán và các văn bản hướng dẫn của Luật Kế Toán.

STT	Tên chứng từ	Số hiệu
1	Phiếu nhập kho	01 - VT
2	Phiếu xuất kho	02 - VT
3	Biên bản kiểm nghiệm, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	03 - VT
4	Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ	04 - VT
5	Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	05 - VT
6	Bảng kê mua hàng	06 - VT
7	Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	07 - VT

1.3.3 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu

Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp

- Kết cấu và nội dung Tài khoản : *Nguyên vật liệu*

Bên Nợ:

– Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua;
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ:

Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ Tài khoản 151: ***Hàng mua đang đi đường***

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng đến cuối kỳ vẫn còn đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, bên bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ doanh nghiệp kiểm kê rồi nhập kho.

- Kết cấu và nội dung Tài khoản : *Hàng mua đang đi đường*

Bên Nợ :

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường:
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có :

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng ;

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ :

Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (Chưa về nhập kho doanh nghiệp).

❖ Tài khoản 611 : ***Mua hàng***

Tài khoản này để phản ánh trị giá nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Tài khoản chỉ áp dụng với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Kết cấu và nội dung Tài khoản : *Mua hàng*

Bên Nợ :

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê):

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, mua vào trong kỳ

Bên Có :

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ):

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản mua hàng không có số dư cuối kỳ

1.3.4 Các Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp thường đa dạng, nhiều chủng loại khác nhau, nếu thiếu loại nào đó sẽ gây ảnh hưởng lớn trong việc sản xuất.

Chính vì vậy, kế toán nguyên vật liệu phải theo dõi tình hình biến động của từng nguyên vật liệu. Đê quản lý tốt, doanh nghiệp phải lựa chọn và vận dụng phương pháp hạch toán phù hợp để quản lý tốt cho quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Hiện nay, doanh nghiệp thường hạch toán theo 3 phương pháp chủ yếu :

- + Phương pháp thẻ song song
- + Phương pháp sổ số dư
- + Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

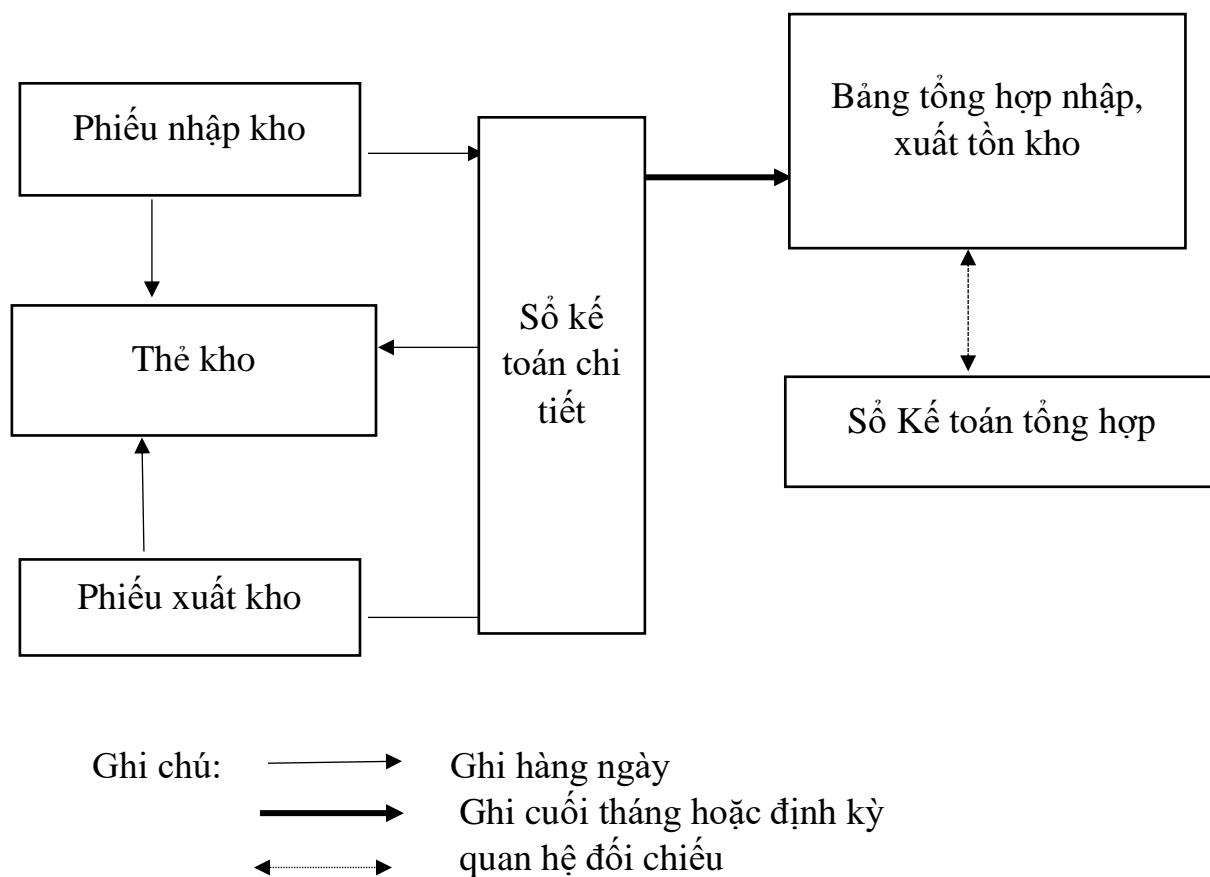
1.3.4.1 Phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc: thẻ song song sử dụng các sổ chi tiết, theo dõi về số lượng và sự biến động của từng mặt hàng cả về số lượng và giá trị từng thứ NVL.

Trình tự ghi chép :

+ Ở Kho : Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi đầy đủ thông tin về thẻ kho. thủ kho chuyển toàn bộ chứng từ về phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán : Mở thẻ hoặc sổ chi tiết cho từng danh điểm NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi số lượng và giá trị hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi kế toán phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính tiền sau đó ghi vào sổ hoặc sổ chi tiết. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng nguyên vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.



Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song

1.3.4.2 Phương pháp sổ số dư

❖ Nội dung

+ Ở Kho: Thủ kho sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng thứ vật tư, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng (SL)

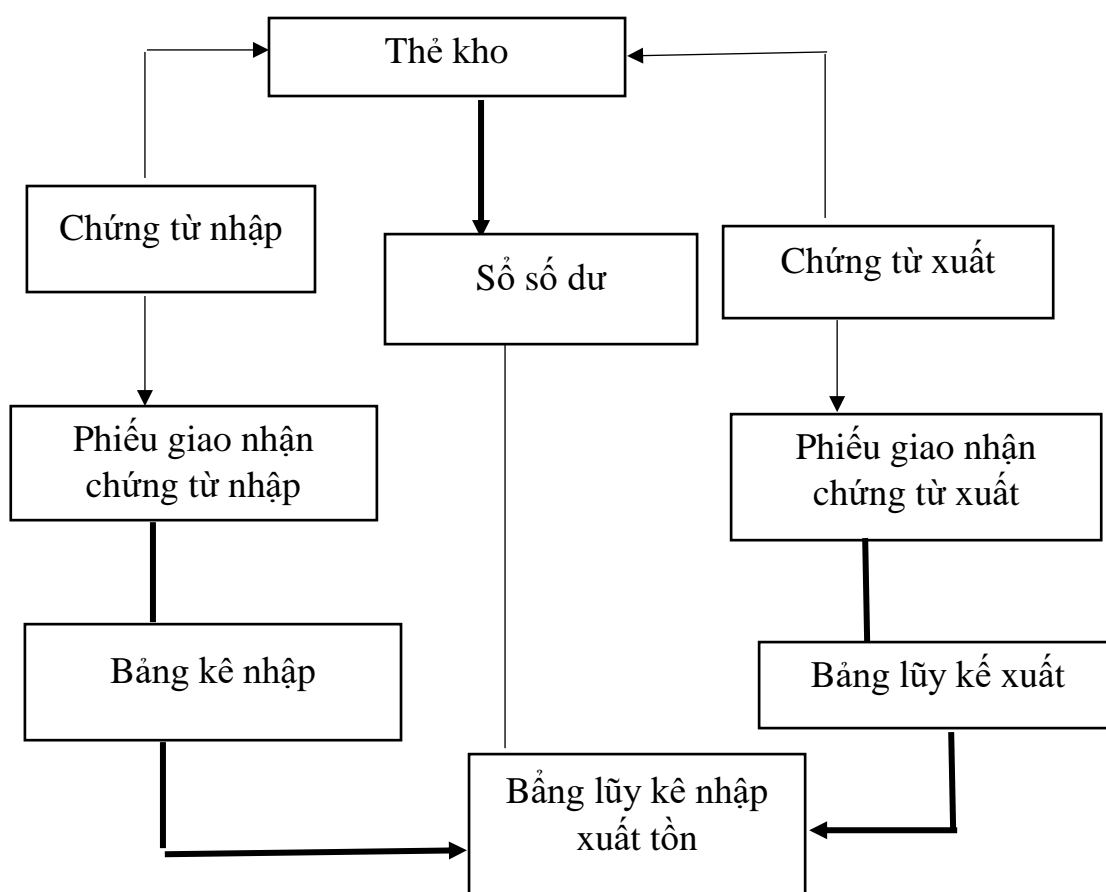
Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, mở theo năm. Cuối mỗi tháng sổ số dư sẽ được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ các thẻ kho. Trên sổ số dư vật tư, hàng hóa được sắp xếp theo thứ tự, từng nhóm, loại. Mỗi nhóm có dòng cộng nhóm, mỗi loại có dòng cộng loại.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau khi kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký phiếu giao nhận chứng từ rồi mang chứng từ về phòng kế toán.

Tại phòng kế toán nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị (giá hạch toán) của vật tư, hàng hóa từng

nhóm, loại hàng nhập, loại hàng xuất để ghi vào cột “Thành tiền” của phiếu giao nhận chứng từ. Số liệu thành tiền trên phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) vật tư, hàng hóa theo từng nhóm, loại hàng ghi vào bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất vật tư, hàng hóa.

cuối tháng, sau khi nhận được sổ số dư do thủ kho chuyển lên thì kế toán căn cứ vào số lượng và đơn giá của từng loại hàng hoá tồn kho để tính ra chỉ tiêu giá trị của số dư và ghi vào cột “thành tiền” trên sổ số dư. Số liệu này được đối chiếu với số liệu cột tồn kho trên Bảng tổng hợp và chúng phải trùng nhau



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Ghi đối chiếu

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp Thẻ sổ số dư

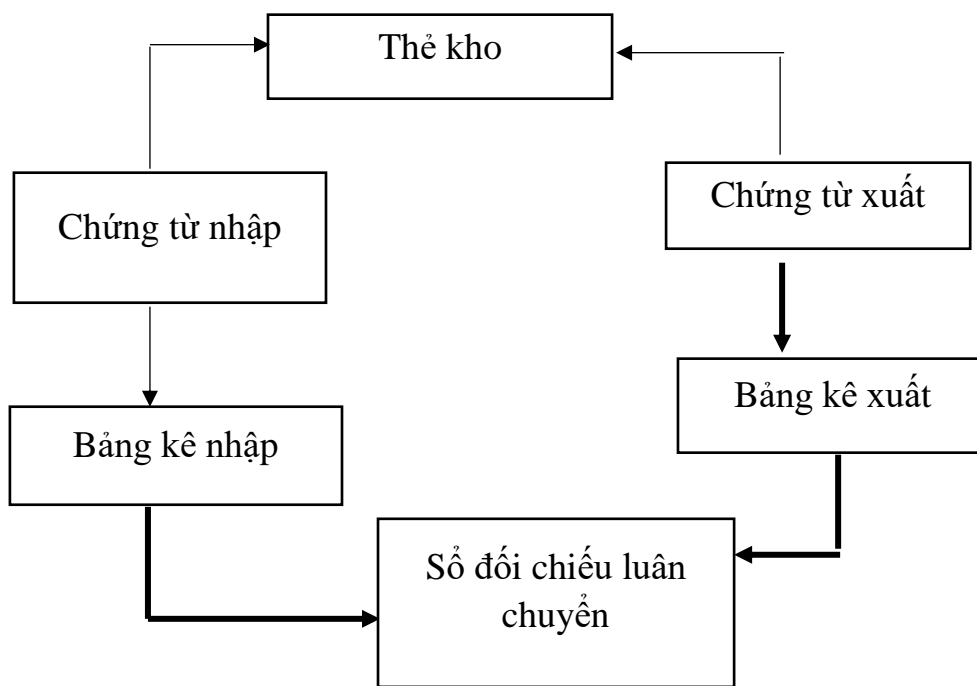
1.3.4.3 *Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển*

❖ Tại kho : Giống như phương pháp thẻ song song

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi đầy đủ thông tin về thẻ kho, thủ kho chuyển toàn bộ chứng từ về phòng kế toán.

❖ Tại phòng kế toán :

Không mở thẻ kế toán chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng thứ (Danh điểm) nguyên vật liệu theo từng kho. Số này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng nguyên vật liệu, mỗi thứ ghi một dòng trong sổ. Cuối tháng đối chiếu số lượng nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán



Ghi chú: —————> Ghi trong ngày
 —————> Ghi cuối tháng
 <-----> Ghi đối chiếu

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp Sổ đối chiếu luân chuyển

1.3.5 Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.3.5.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên theo Thông Tư 133/2016

❖ *Nội dung phương pháp kê khai thường xuyên*

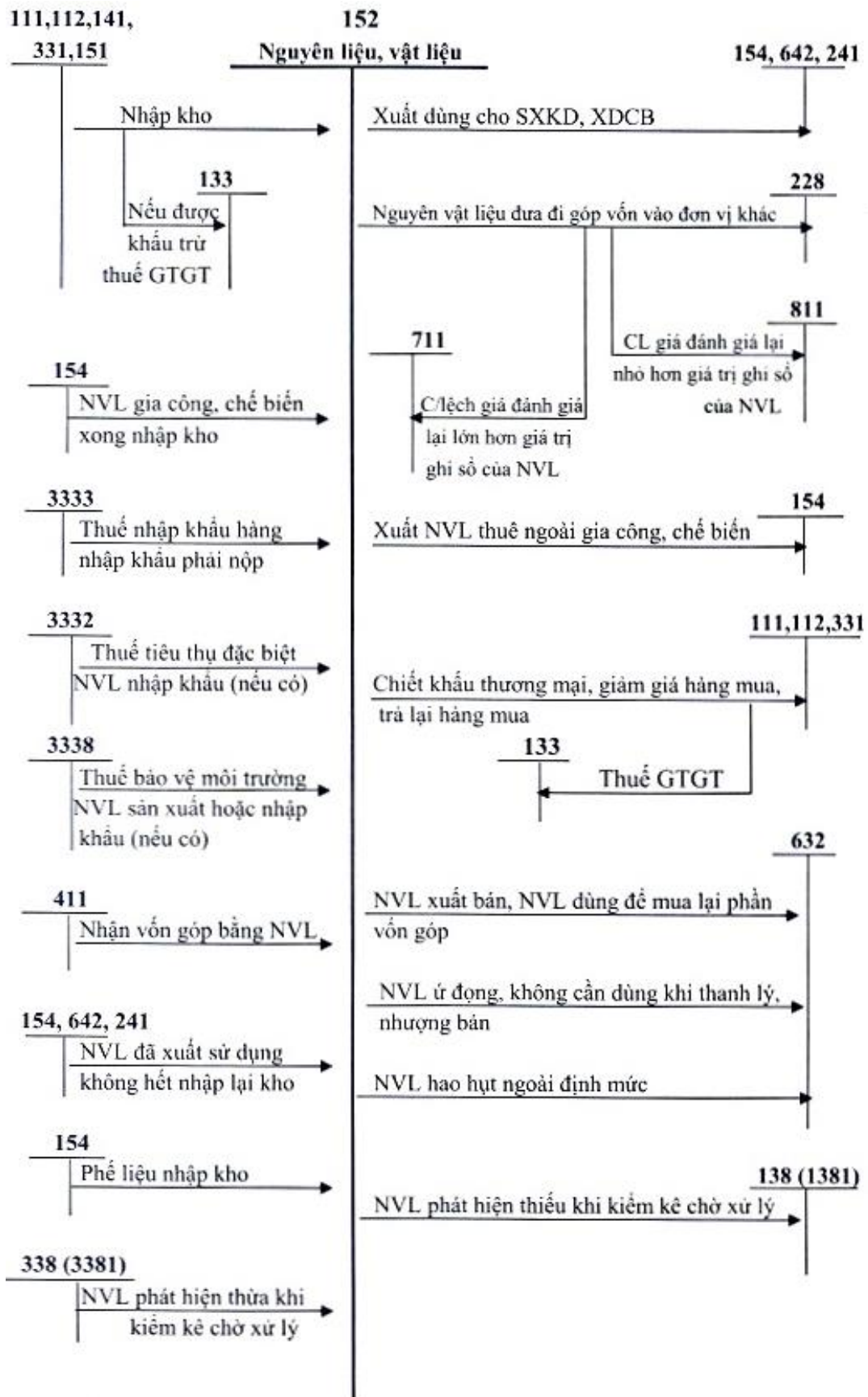
Phương pháp kê khai thường xuyên là cách phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm hàng TK nói chung và nguyên vật liệu nói riêng một cách thường xuyên, liên tục trên các TK phản ánh từng loại phương pháp này được sử dụng phổ biến vì thông tin cung cấp thông tin chính xác và hiệu quả

❖ *Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên*

Phương pháp phản ánh và theo dõi tình hình biến động tăng, giảm hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho.

phương pháp này được sử dụng phổ biến hơn ở các doanh nghiệp. Vì độ chính xác cao, cung cấp xử lý thông tin kịp thời.

Phương pháp này không áp dụng cho các doanh nghiệp có giá trị đơn vị hàng tồn kho nhỏ, thường xuyên xuất dung, xuất bán.



Sơ đồ 1.4 : Kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên TT133/2016

1.3.5.2 : Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ theo Thông Tư 133/2016

- *Khái niệm:* phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ.

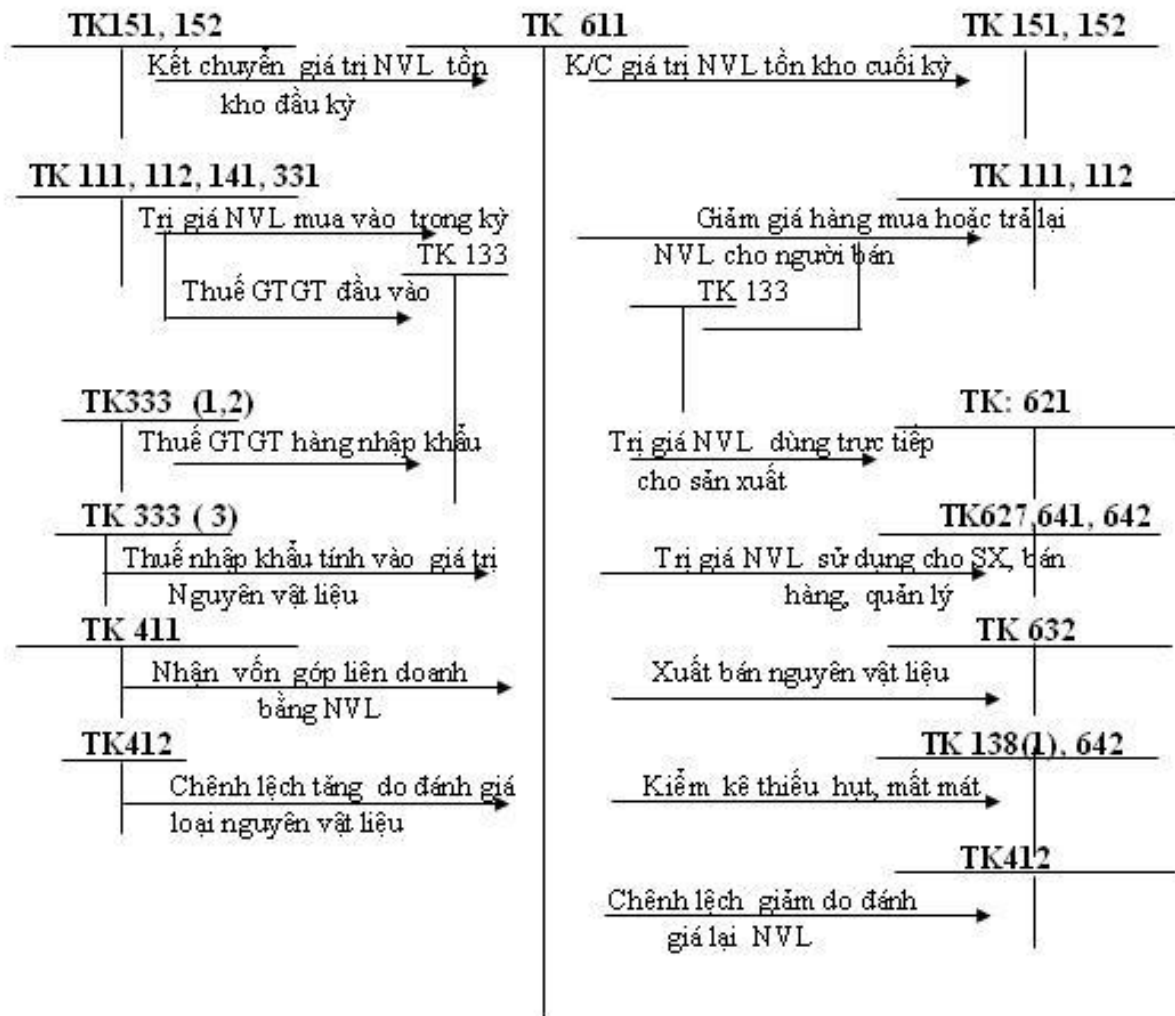
- *Công thức:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng giá trị} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{Xuất} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa, (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên Tài khoản 611 “Mua hàng”

- Công tác kiểm kê Vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế, trị giá vật tư, hàng hóa xuất trong kỳ (Tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611 “Mua hàng”. Khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (phản ánh trị giá hàng tồn kho cuối kỳ)

- Phương pháp thường sử dụng cho các doanh nghiệp nhiều chủng loại mẫu mã, giá trị thấp,. Có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán.



Sơ đồ 1.5 : Kế toán tổng hợp theo phương pháp kiểm kê định kỳ TT133/2016

1.4. Các hình thức sổ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp TT133/2016

- Trong mỗi doanh nghiệp mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Tùy từng quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp để lựa chọn cho mình hình thức kế toán phù hợp nhưng vẫn phải tuân theo quy định của thông tư áp dụng.

Các hình thức ghi sổ kế toán TT 133

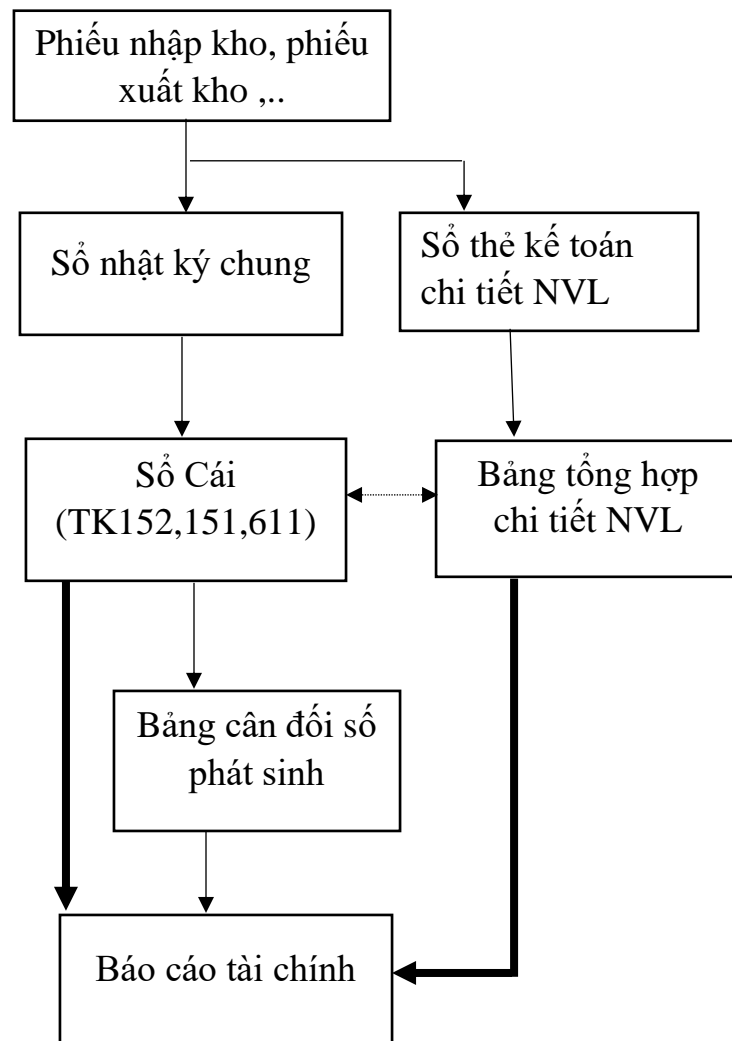
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là: Hầu như tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ để ghi theo các nghiệp vụ phát sinh

Hình thức ghi sổ Nhật ký chung :

- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng : \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- ❖ *Ưu điểm, nhược điểm hình thức kế toán Nhật ký chung*
- Ưu điểm:
 - + Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
 - + Được dùng phổ biến rộng rãi tại các doanh nghiệp
 - + Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ nhật ký chung, cung cấp thông tin kịp thời.

- Nhược điểm:
- + Lượng ghi chép nhiều
- * **Trình tự ghi sổ**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, để ghi chép vào Sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ các tài khoản phù hợp

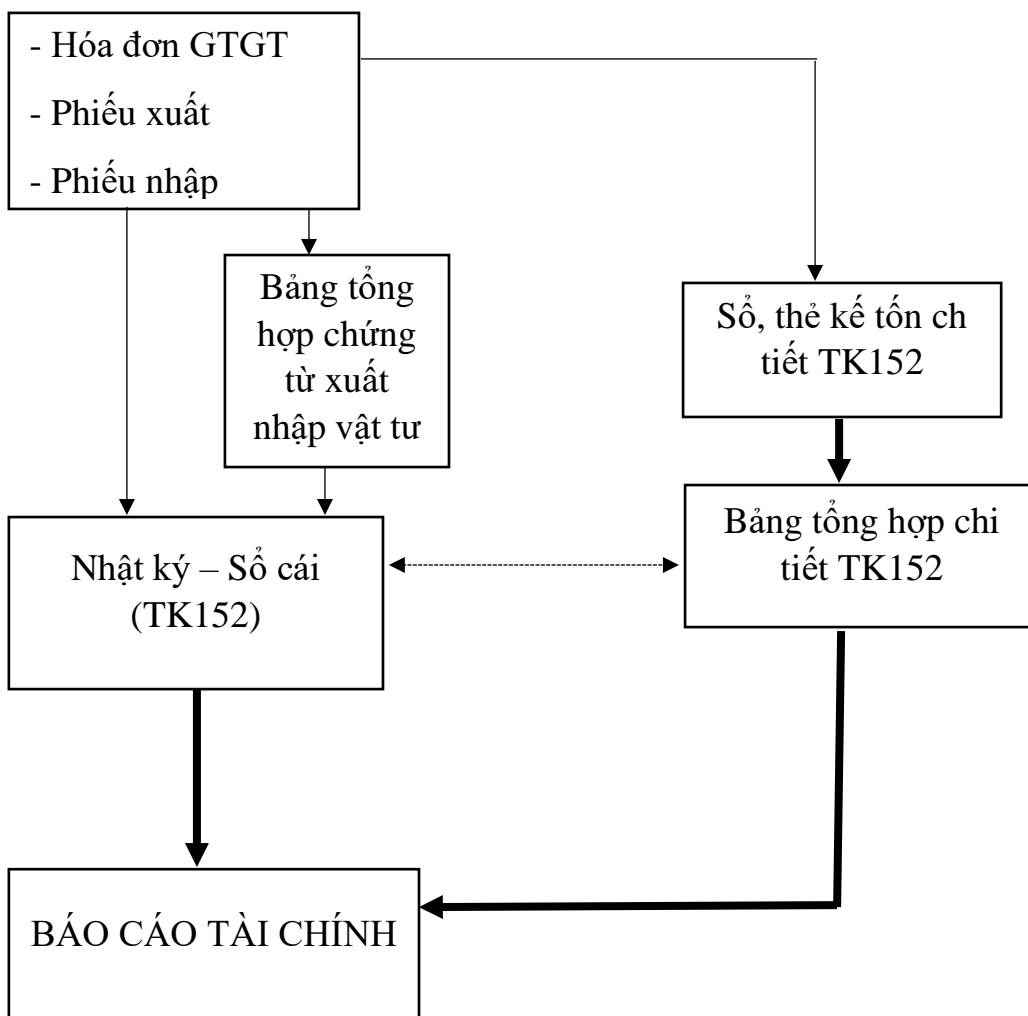
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết để lập các Báo cáo tài chính.

1.4.1.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ phát sinh kinh tế được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (Theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp là sổ nhật ký – sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán

Điều kiện áp dụng : dùng cho doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, sử dụng ít các tài khoản kế toán khi hạch toán.

- ❖ Ưu điểm, nhược điểm
- Ưu điểm
- + Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép
- + công tác đối chiếu số liệu dễ thực hiện trên sổ Tổng hợp nhật ký chung
- Nhược điểm
- + Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có một sổ tổng hợp
- Nhật ký – Sổ cái).
- + Khó thực hiện với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

**Ghi chú:**Ghi hàng ngày : \longrightarrow Ghi cuối kỳ: \longrightarrow Kiểm tra đối chiếu: \longleftrightarrow **Sơ đồ 1.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán hình thức Nhật Ký – Sổ Cái***** Trình tự ghi sổ**

Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán đã kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định được tài khoản ghi nợ - ghi có để ghi vào sổ nhật ký – sổ cái. Số loại các chứng từ được ghi trên một dòng ở cả 2 phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, chi, phiếu xuất, nhập,..). Phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

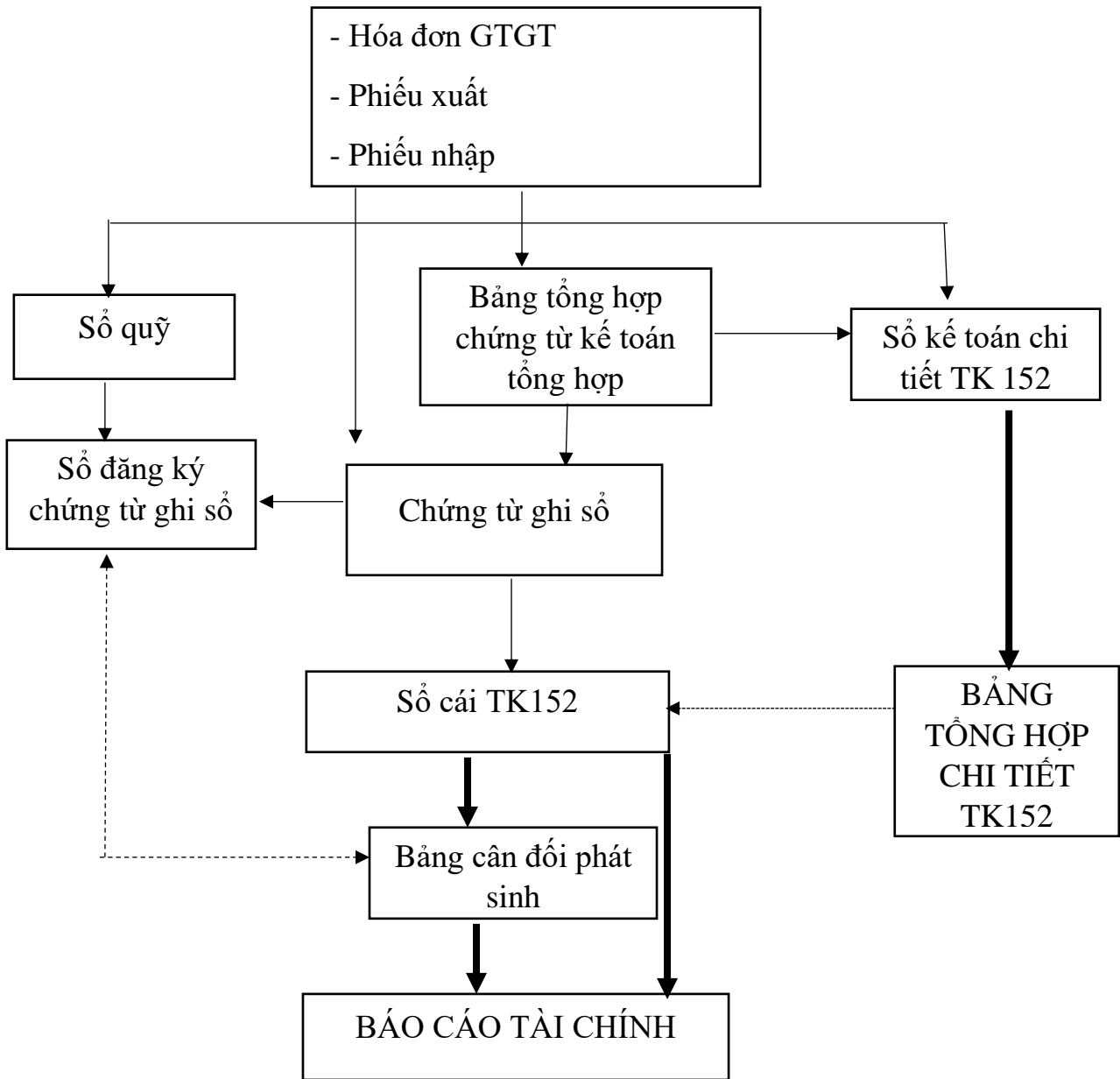
Cuối tháng sau khi phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký – sổ cái, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột Nợ, Có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cột phát sinh cuối tháng. Căn cứ số phát sinh tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật Ký – Sổ Cái

Số liệu nhật ký – Sổ Cái, kế toán kiểm tra đối chiếu nếu khớp sẽ lập báo cáo tài chính.

1.4.1.3. Kế toán hình thức nhật ký chứng từ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ

- ❖ *Ưu điểm, nhược điểm*
- *Ưu điểm:*
 - + Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- *Nhược điểm:*
 - + Số lượng ghi chép nhiều,
 - + kiểm tra đối chiếu số liệu thường thực hiện cuối tháng, cung cấp thông tin chậm



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ : \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ ghi sổ kế toán hình thức nhật ký chứng từ

*** Trình tự ghi sổ**

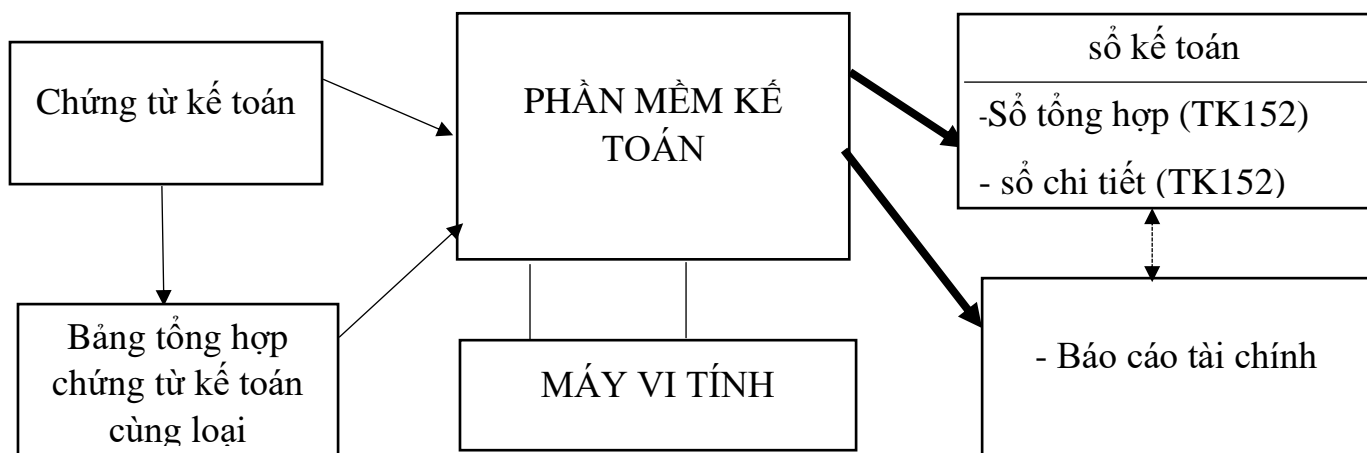
Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, làm căn cứ ghi sổ, lập chứng từ ghi sổ. căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký

chứng từ ghi sổ, sau đó dùng ghi sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng vào ghi sổ, thẻ chi tiết có liên quan

Cuối tháng, kế toán tính ra số tiền các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ chứng từ ghi sổ, tính tổng số phát sinh Nợ, Có, và số dư tài khoản trên sổ cái. căn cứ lập bảng cân đối phát sinh.

1.4.1.4. Kế toán hình thức trên máy tính.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày : \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm \longrightarrow

Đổi chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9. Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức máy vi tính

* Trình tự ghi sổ

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi có để

nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán ,

Theo quy trình, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái ,..), và các sổ, thẻ có liên quan

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển, và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

PHẦN 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CPVTB HÙNG VƯƠNG.

2.1 Tổng quát chung về công ty CPVTB Hùng Vương

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

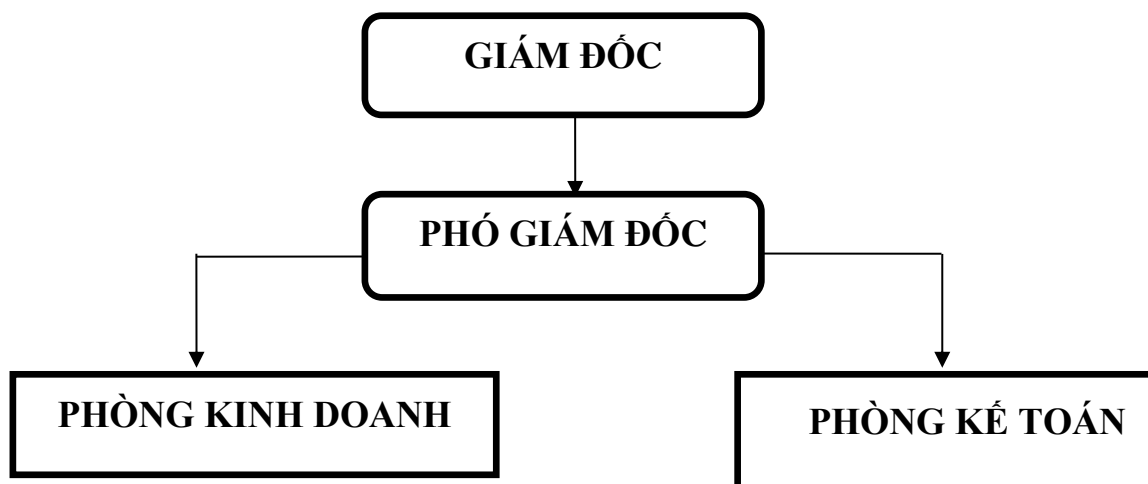
- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG
- Tên tiếng anh là: HUNG VUONG SHIPPING JOIN STOCK COMPANY
- Tên viết tắt là: HUNG VUONG SHIP.JSC
- Địa chỉ: Số 1A phố Cù Chính Lan- Phường Minh Khai- Quận Hồng Bàng- Hải Phòng.
- Số điện thoại liên lạc : 0982640046
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Bùi Ngọc Anh
- Mã số thuế : 0200563578
- Ngày cấp giấy phép : 16/09/2013
- Ngày hoạt động : 01/10/2013 (đã hoạt động được 16 năm)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa

Quá trình hình thành và phát triển của công ty: Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương được thành lập ngày 16 tháng 9 năm 2003 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – đăng ký thuế theo số 0200563578 được quản lý bởi Cục thuế Thành phố Hải Phòng. Công ty đã hoạt động được khoảng 16 năm, ngành nghề chính là bốc xếp hàng hóa.

2.1.2 Tổng quan về lĩnh vực hoạt động của Công ty

- Bốc xếp hàng hóa.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).
- Vận tải hành khách bằng đường bộ.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....

2.1.3. Đặc điểm hệ thống bộ máy tổ chức quản lý Công ty



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban

❖ Giám đốc:

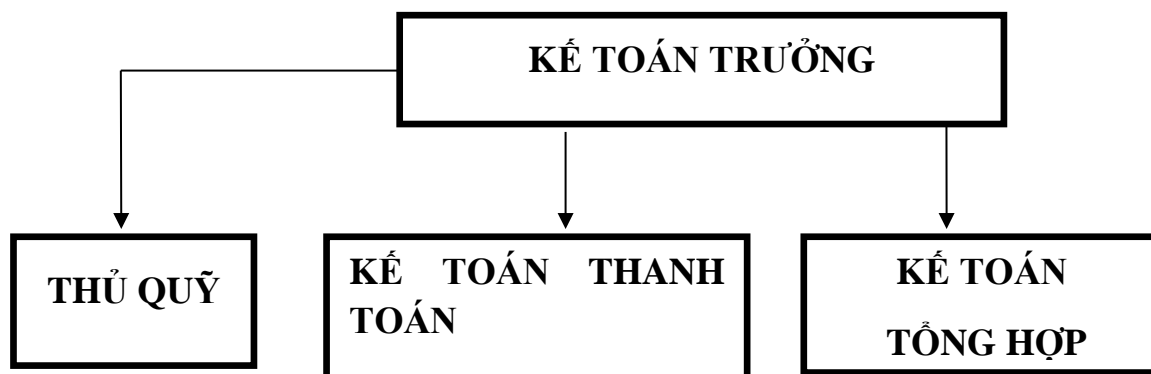
- Là người chịu kết quả, người có quyền hạn cao nhất đối với mọi kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh và sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh của công ty.
- Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

❖ Phó giám đốc:

- Là người được giám đốc ủy quyền tất cả các công việc khi giám đốc đi vắng, quan hệ đối tác với khách hàng.

❖ Phòng kinh doanh:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách các vấn đề về kinh doanh cũng như quan hệ đối tác với khách hàng.
- Dự báo cáo vấn đề về hàng hóa và dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

❖ *Kế toán trưởng:*

- * Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- * Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
- * Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
- * Kế toán trưởng kiêm chức kiểm phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính...
- * Xử lý các hóa đơn chứng từ và thuế.

❖ *Kế toán thanh toán:* Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng và nhà cung cấp. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

❖ *Kế toán tổng hợp:* Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

❖ *Thủ quỹ:* Đảm nhận công việc thu chi tiền mặt, lưu trữ hồ sơ, cập nhật chứng từ, báo cáo quỹ hàng ngày, đóng các chứng từ sổ sách có liên quan

2.1.4 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán Công ty

❖ Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán: Hiện nay công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, được ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC
- Chế độ chứng từ: Công ty áp dụng hệ thống chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều có chứng từ kế toán chứng minh.
- Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản thống nhất và mở các tài khoản chi tiết phù hợp với việc hạch toán của kế toán.
- Công ty áp dụng: hình thức kế toán Nhật ký chung..
- Doanh nghiệp nộp thuế theo: phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo trị giá gốc.
- Phương pháp tính giá xuất kho : Bình quân gia quyền
- Khấu hao Tài sản cố định : Theo đường thẳng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm
- Đơn vị tính và sử dụng trong ghi chép kế toán là: đồng Việt Nam(VND).

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Công ty vận tải biển Hùng Vương.

2.2.1 Đặc điểm, Phân loại nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty

Nguyên vật liệu là đối tượng chính cấu thành nên sản phẩm, là tài sản dự trữ trong kinh doanh, được mua sắm bằng nguồn vốn lưu động của công ty. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu được chuyển toàn bộ giá trị thành sản phẩm sản xuất chặt chẽ qua từng khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, để đảm bảo tính hiệu quả hạn chế hư hỏng nguyên vật liệu.

Ngành nghề kinh doanh của công ty là liên quan đến những lĩnh vực vận tải, tàu thuyền, gia công cơ khí, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác,.. nên nguyên vật liệu chính của công ty là xăng dầu, sắt, thép ,xi măng, gạch xây dựng , đá, cát,....

2.2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu

Căn cứ vào yêu cầu quản lý, nguyên liệu, vật liệu được chia thành các loại sau:

+ **Nguyên vật liệu chính**: Là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể của sản phẩm. Bao gồm : sắt, thép, gạch, đá, ...

+ **Vật liệu phụ** : Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc mùi vị, hình dáng ...: Bao gồm : đinh, ốc vít,..

+ **Nhiên liệu** : Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường, tồn tại ở thể lỏng, rắn, khí. Bao gồm: xăng, dầu, khí ga,..

+ **Vật tư thay thế** : Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất : mũi khoan, săm lốp ô tô,đinh vít

+ **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản** : Là những loại vật liệu và thiết bị sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản, với thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

2.2.2 Chứng từ sử dụng tại công ty CPVTB Hùng Vương

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Giấy đề nghị cung cấp vật tư
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ dụng cụ, hàng hóa)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (HĐ GTGT)
- Phiếu kế toán

2.2.3. Hình thức tổ chức sổ kế toán áp dụng tại công ty

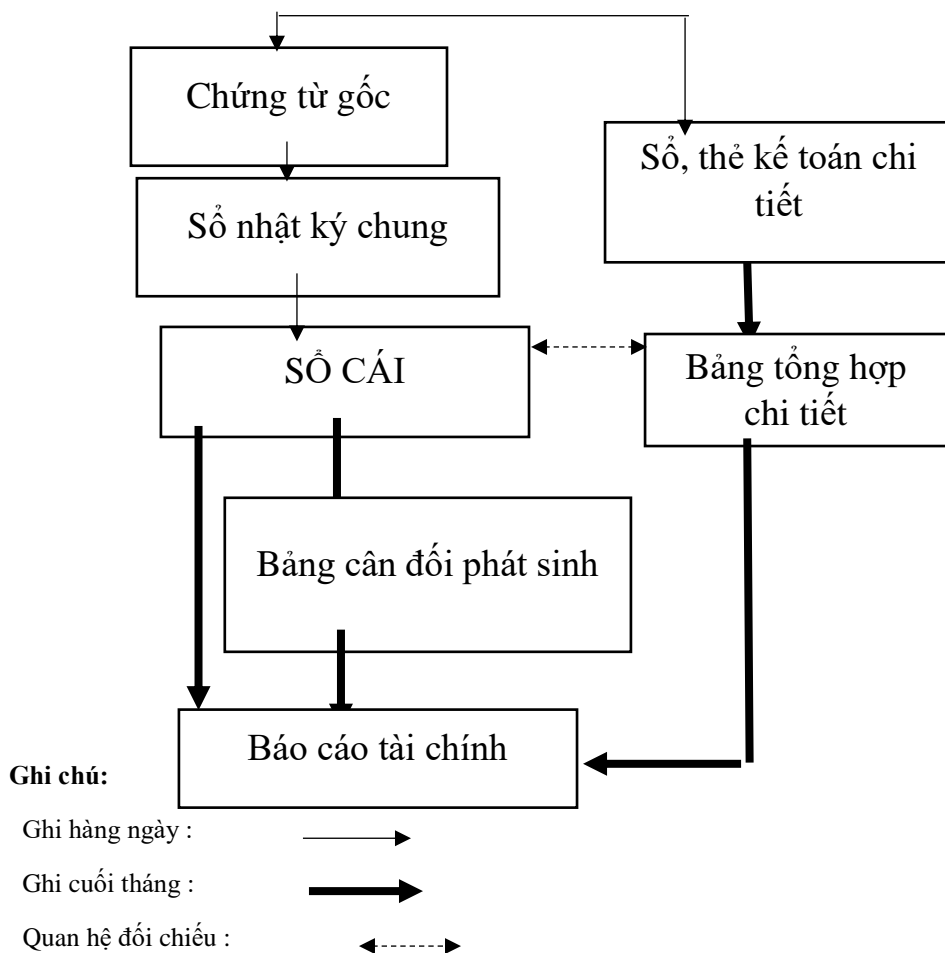
Công ty áp dụng, hạch toán kế toán theo hình thức sổ Nhật Ký chung

* Nguyên tắc cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức sổ Nhật ký chung bao gồm các sổ kế toán sau:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết TK
- + Sổ cái TK
- + Bảng tổng hợp chi tiết TK



Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

* Trình tự ghi sổ kế toán

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi vào sổ cái theo các Tài khoản. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng phát sinh Có trên bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.2.4 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP VTB Hùng Vương

2.2.4.1 Cách tính giá nhập, xuất kho, nguyên vật liệu tại công ty.

Tại công ty Cổ phần vận tải biển Hùng Vương, nguyên vật liệu được sử dụng nhiều chủng loại khác nhau, công dụng khác nhau. Vì vậy công tác thu mua, hạch toán chi phí nguyên vật liệu luôn luôn gắn chặt với nhau.

a) Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

- *Chứng từ thủ tục nhập kho nguyên vật liệu gồm:*
 - + Phiếu nhập kho
 - + HDGTGT
 - + Chứng từ có liên quan

❖ Quy trình nhập kho

B1: Lên kế hoạch báo nhập nguyên vật liệu đến những bên liên quan và đề xuất sẽ thông báo tới các bộ phận có liên quan đến quá trình nhập kho

B2: Tiến hành kiểm tra và đối chiếu cẩn thận. Bộ phận thủ kho sẽ dựa vào đơn hàng đề nghị mua ban đầu và sẽ đối chiếu với số lượng nguyên vật liệu được nhập kho

B3: Sau đó nhà cung cấp sẽ xuất hóa đơn của mặt hàng và phát hành phiếu kiểm tra. Tiếp theo là lập phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho có 3 liên khác nhau :

- + Liên 1 : Lưu tại cuống
- + Liên 2: thủ kho giữ đề ghi vào thẻ kho
- + Liên 3: Chuyển về phòng kế toán đề ghi sổ

Phần lớn nguyên, vật liệu của công ty là do mua ngoài:

Trị giá thực tế vật liệu nhập kho = Giá mua trên hóa đơn + Chi phí thu mua bốc dỡ - Các khoản giảm trừ

Trong đó :

- + Giá mua trên hóa đơn = đơn giá * Số lượng
- + Chi phí thu mua là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thu mua : Chi phí vận chuyển, bốc dỡ
- + Các khoản giảm trừ là những mất mát, thiếu hụt, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,... mà chủ hàng phải bồi thường hoặc phải chịu

b) Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

- *Chứng từ thủ tục xuất kho nguyên vật liệu :*
 - + Phiếu đề nghị xuất kho
 - + Phiếu xuất kho
 - + Chứng từ khác có liên quan

❖ Quy trình xuất kho nguyên vật liệu

B1: Tiến hành gửi yêu cầu xuất nguyên vật liệu .

B2: Bước tiếp theo là tiến hành kiểm tra hàng tồn kho, Kế toán sẽ tiến hành kiểm tra. Khi nguyên vật liệu đầy đủ theo yêu cầu sẽ tiến hành xuất kho

B3: Phiếu xuất kho và hóa đơn sẽ được lập. Các kế toán sẽ dựa vào thông tin các đơn hàng sau đó lập phiếu xuất kho và chuyển cho các thủ kho đề xuất theo đúng yêu cầu

B4: Tiếp theo tiến hành xuất kho. Thủ kho sẽ dựa vào các thông tin đã ghi ở phiếu xuất kho để xuất đầy đủ nhất. Đặc biệt phiếu này bắt buộc có chữ ký xác nhận ở các bộ phận

B5: Kế toán sẽ cập nhật thông tin về nguyên vật liệu đã xuất kho nhằm ra kết quả chính xác nhất.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên :

- Liên 1 : Lưu tại cuống
- Liên 2 : Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho
- Liên 3 : Chuyển đến phòng kế toán tiến hành ghi sổ

❖ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

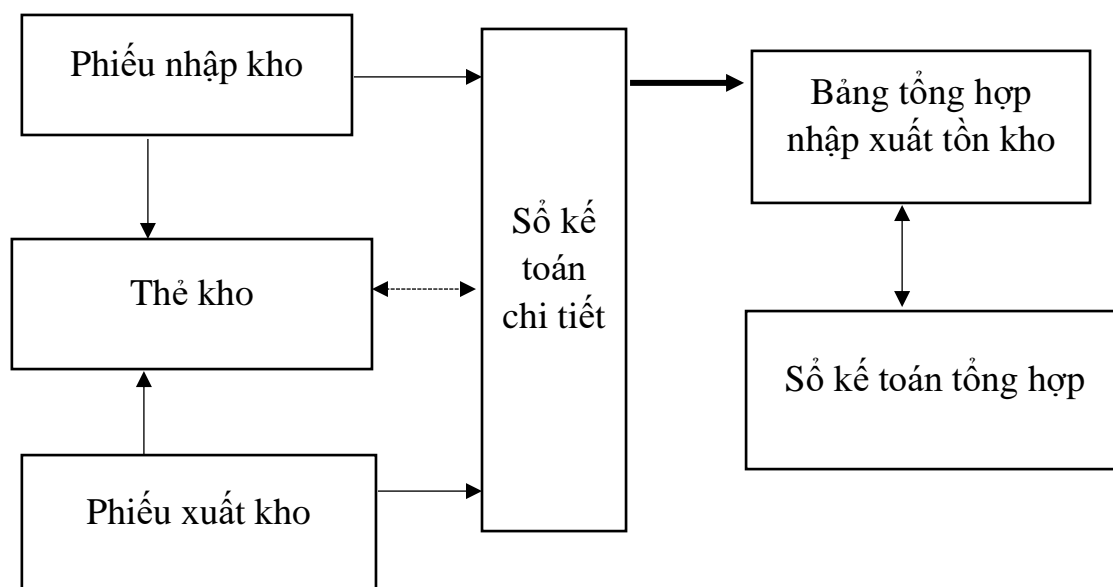
Đơn giá bình quân = $\frac{\text{Giá trị thực tế VL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế VL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$

Giá trị vật liệu xuất dùng = Đơn giá bình quân x Số lượng vật liệu xuất kho

Doanh nghiệp áp dụng tính xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Tại công ty Cổ phần vận tải biển Hùng Vương, nguyên vật liệu được sử dụng nhiều chủng loại khác nhau, công dụng khác nhau. Vì vậy công tác thu mua, hạch toán chi phí nguyên vật liệu luôn luôn gắn chặt với nhau. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết kế toán nguyên vật liệu.



Ghi chú :
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 <-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

❖ *Ví dụ minh họa :*

Ví dụ 1 : Ngày 5/12/2019, công ty mua 450 lít nhớt HD 50 công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An. Đơn giá chưa thuế GTGT của nhớt là 60.760. Chi phí vận chuyển tính vào giá mua, thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào HDGTGT (Biểu số 2.1), Phiếu nhập kho (Biểu số 2.2), thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.6)

- Ngày 7 /12 theo lệnh yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.3), kế toán viết phiếu xuất kho (Biểu 2.4)

Trị giá xuất kho nguyên vật liệu tháng 12 /2019:

Hàng tồn kho đầu tháng 12 là 50.850.000 đồng, đơn giá 50.850 đ/lít, số lượng 1.000 lít

Trong tháng:

Ngày 5/12 : Nhập kho 450 lít nhớt HD50, đơn giá 60.760/lít thành tiền:
27.342.000

Ngày 7/12 xuất 230 lít nhớt

=> Giá thực tế NV xuất kho được tính :

Đơn giá bình quân 50.850.000+ 27.342.000

của nhớt =
$$\frac{\quad}{1.000 + 450}$$

= 53.925(đồng/lít)

Giá vật liệu xuất kho của 230 lít nhớt = 230x 53.925 = 12.402.750

Căn cứ vào phiếu xuất kho thủ kho ghi sổ thẻ kho

kế toán dựa vào sổ thẻ kho ghi vào sổ kế toán chi tiết

cuối tháng dựa vào các sổ ghi vào bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ.

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/18P		
Liên 2 : Giao cho khách hàng			Số: 0005237		
Ngày 05 tháng 12 năm 2019					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xăng Dầu Tân Bình An					
Địa chỉ: Thôn Bắc, Xã Lưu Kiếm, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Điện thoại: (031) 3963689			Fax : (031) 3963 689		
Mã số thuế: 0200989422					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Vạn Tải Biển Hùng Vương					
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan,P.Minh Khai,Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK			MST: 0200563578		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Nhớt HD50	Lít	450	60.760	27.342.000
Cộng tiền hàng:					27.342.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.734.200
Tổng cộng tiền thanh toán:					30.076.200
Số tiền viết bằng chữ: <i>ba mươi triệu không trăm bảy sáu ngàn hai trăm đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

Biểu số 2.2: Phiếu Nhập Kho

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số 01 -TT

Bộ phận : Quản lý kho
ngày

(Ban hành theo TT133/2016-BTC

26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 5 tháng 12 năm 2019

Số PNK 170

Nợ: 152

Có: 331

-Họ và tên người giao: Bùi Văn Hai

-Theo hóa đơn số : 0005237 ngày 5 tháng 12 năm 2019 của công ty TNHH xăng
dầu Tân Bình An- Nhập tại kho : Nguyên vật liệu Địa điểm : Số 1a, Cù Chính lan – Minh khai –
Hồng Bàng – Hải Phòng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Theo chứng từ nhập	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhớt HD50		Lít	450	450	60.760	27.342.000
	Cộng						27.342.000

Số tiền bằng chữ : Hai bảy triệu ba trăm bốn hai nghìn đồng

Số chứng từ gốc kèm theo 01

Ngày 05 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Giấy đề nghị cung cấp vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

Add: Số 1 A Cù Chính Lan, Hồng Bàng, HP/Tel: 0225747329

GIẤY ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP VẬT TƯ

Họ tên người đề nghị

Đơn vị / Bộ phận:

Xin được cấp các loại vật tư sau đây :

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú /ký nhận
01	Nhớt HD 50	Lít	450	

Ngày 05 tháng 12 năm 2019

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4 : Phiếu xuất kho

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số 01 -TT

Bộ phận : Quản lý kho
ngày

(Ban hành theo TT133/2016-BTC

26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Số 172

Nợ: 621

Có: 152

-Họ và tên người nhận hàng : Phạm Văn Thái Bộ phận :

-Lý do xuất kho : Xuất cho bộ phận sản xuất

- Xuất tại kho : NVL Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhớt HD 50		Lít	230	230	53.925	12.402.750
	Cộng						

Số tiền bằng chữ : *mười hai triệu bốn trăm linh hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng*

Số chứng từ gốc kèm theo : 01

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 : Thẻ kho

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số S08-DNN

Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai Hồng Bàng HP

(Ban hành theo TT 133 2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

Thẻ Kho

Ngày lập thẻ : 01/12/2019

Tờ số: 10

- Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Nhớt HD 50

- Đơn vị tính : Lít

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng				1.000
							
1	5/12	PN170		Nhập kho nhớt HD 50	5/12	450		1.450
2	7/12		PX172	Xuất kho Nhớt HD 50	7/12		230	1.220
				
	25/12	PN180		Nhập kho nhớt HD 50	25/12	476		1.500
	28/12	PN185		Nhập kho nhớt HD 50	28/12	400		1.900
				
				Cộng phát sinh		2.550	1.250	
				Tồn cuối tháng 12				2.300

- Số này có ... trang, đánh số từ trang ... đến

- Ngày mở sổ :...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 : Sổ chi tiết vật liệu

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương
Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai Hồng BàngHP

Mẫu số S08-DNN
(Ban hành theo TT 133 2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM

NĂM : 2019

Tài Khoản: 152 Tên kho : Nguyên vật liệu

Nhiên liệu : Nhớt HĐ 50

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5	6	7=(1x6)
		Số dư đầu tháng 12		50.850					1.000	50.850.000
PN 170	5/12	Nhập kho nhớt HĐ 50	331	60.760	450	27.342.000			1.000	60.760.000
PX175	7/12	Xuất ko nhớt HĐ 50	621	53.925			230	12.402.750	1.220	65.788.500
					
PN180	25/12	Nhập kho nhớt HĐ 50	331	60.760	476	28.921.760			1.500	91.140.000
PN185	28/12	Nhập kho nhớt HĐ 50	331	60.760	400	24.304.000			1.900	106.330.000
					
		Cộng số phát sinh			2.550	129.667.500	1.250	63.562.500		
		Tồn cuối tháng 12							2.300	116.955.000

- Sổ này có trang.... , đánh số từ Ngày 31 tháng 12 năm 2019
- Ngày mở sổ:..

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Ví dụ 2 : Ngày 11 /12/2019, công ty mua 1.500 lít dầu DO 0,05 S của công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An, đơn giá chưa thuế 16.060. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%

Căn cứ vào HĐGTGT (Biểu số 2.7) và phiếu nhập kho (Biểu số 2.8), thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm (Biểu số 2.12)

Ngày 13/12 theo yêu cầu giấy đề nghị cung cấp vật tư (Biểu số 2.9), kế toán viết phiếu xuất kho (Biểu số 2.10)

hàng tồn kho đầu tháng 12 của Dầu DO 0,05S là 27.545.000 đơn giá 15.740, số lượng 1.750 Lít

- Ngày 11/12 : Nhập 1.500 Lít , đơn giá 16.060đ/lít, thành tiền là 24.090.000

- Ngày 13 /12 xuất kho 989 lít

=> Giá thực tế NVL xuất kho được tính:

$$\begin{array}{rcl} \text{Đơn giá} & = & \frac{27.545.000}{1.750} + \frac{24.090.000}{1500} \\ \text{bình quân của dầu} & & \\ & & = 15.888 \end{array}$$

Giá vật liệu xuất kho của Dầu DO0,05S : 989 x 15.888 = 15.713.232 (đ)

Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho ghi vào thẻ kho

Kế toán dựa vào thẻ kho ghi sổ chi tiết

Cuối tháng từ các sổ chi tiết, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ sản phẩm.

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/18P		
Liên 2 : Giao cho khách hàng			Số: 0000665		
Ngày 11 tháng 12 năm 2019					
Đơn vị bán hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xăng dầu Tân Bình An					
Địa chỉ: Thôn Bắc, xã Lưu Kiếm, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: (031) 3963 689 Fax : Fax: (031) 3963 689					
Mã số thuế: 0200989422					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Vạn Tài Biển Hùng Vương					
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan,P.Minh Khai,Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK MST: 0200563578					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dầu DO0,05 S	Lít	1.500	16.060	24.090.000
Cộng tiền hàng:					24.090.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.409.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					26.499.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai sáu triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

Biểu số 2.8 : Phiếu Nhập Kho

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số 01 -TT

Bộ phận : Quản lý kho

(Ban hành theo TT133/2016-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2019

Số PNK 175

Nợ: 152

Có: 331

-Họ và tên người giao: Bùi văn Rục

-Theo hóa đơn số : 0000665 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình And

- Nhập tại kho : Nguyên vật liệu Địa điểm : Số 1a, Cù Chính lan – Minh khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Theo chứng từ nhập	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu DO0,05S		lít	1500	1500	16.060	24.090.000
	Cộng						24.090.000

Số tiền bằng chữ : Hai tư triệu không trăm chín mươi ngàn đồng

Số chứng từ gốc kèm theo :....

Ngày 11 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Giấy đề nghị xuất vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

Add: Số 1 A Cù Chính Lan, Hồng Bàng, HP/Tel: 0225747329

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Họ tên người đề nghị

Đơn vị / Bộ phận:

Xin được cấp các loại vật tư sau đây :

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú/ký nhận
01	Dầu DO 0,05S	lít	989	

Ngày 13 tháng 12 năm 2019

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11 : Thẻ kho

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số S08-DNN

Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai Hồng BàngHP

(Ban hành theo TT 133 2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

Thẻ Kho

Ngày lập thẻ : 01/12/2019

Tờ số : 12

- Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Dầu 0,05s

- Đơn vị tính : Lít

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng				1.750
							
1	11/12	PN175		Nhập kho dầu DO 0,05s	11/12	1.500		3.250
2	13/12		PX177	Xuất kho Dầu DO 0,05S	13/12		989	2.261
				
	20/12	PN 184		Nhập kho dầu DO 0,05S	20/12	900		3.161
	28/12		PX 192	Xuất kho nhớt HD 50	28/12		1.500	1.661
				
				Cộng phát sinh		12.000	11.400	
				Tồn cuối tháng 12				2.350

- Số này có ... trang, đánh số từ trang ... đến

- Ngày mở sổ :...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12 : Sổ chi tiết vật liệu

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương
Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai Hồng BàngHP

Mẫu số S07-DNN
(Ban hành theo TT 133 2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ SẢN PHẨM

NĂM : 2019

Tài Khoản: 152 Tên kho : Nguyên vật liệu

DẦU DO 0,05S

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5	6	7=1x6
		Số dư đầu tháng 12		15.740					1.750	27.545.000
	11/12	Nhập kho DO 0,05S	331	16.060	1.500	24.090.000			3.250	52.195.000
	13/12	Xuất Kho DO 0,05S	621	15.888			989	15.713.232	2.261	35.922.768
					
	20/12	Nhập kho DO 0,05S	331	16.060	1.555	24.973.300			3.161	50.765.660
	28/12	Xuất kho Dầu DO 0,05S	621	15.888			1.500	10.327.200	1.661	26.389.968
					
		Cộng số phát sinh			12.000	188.880.000	11.400	192.815.000		
		Tồn cuối tháng 12							2.350	23.610.000

- Sổ này có trang , đánh số từ Ngày 31 tháng 12 năm 2019
- Ngày mở sổ:..

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13 : Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu

Đơn vị : Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số S07-DNN

Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai Hồng Bàng HP

(Ban hành theo TT 133 2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU. DỤNG CỤ,
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

TÀI KHOẢN : 152

Tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Nhớt HĐ 50	50.850.000	129.667.500	63.562.500	116.955.000
2	Dầu DO 0,05S	27.545.000	188.880.000	192.815.000	23.610.000
.....				
	Cộng	1.090.432.000	1.754.500.000	1.780.400.000	1.064.532.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty CPVTB Hùng Vương

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp. Để phục vụ cho việc hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo Phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho của nguyên liệu vật liệu được ghi chép một cách tỷ mỉ, chính xác. Giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

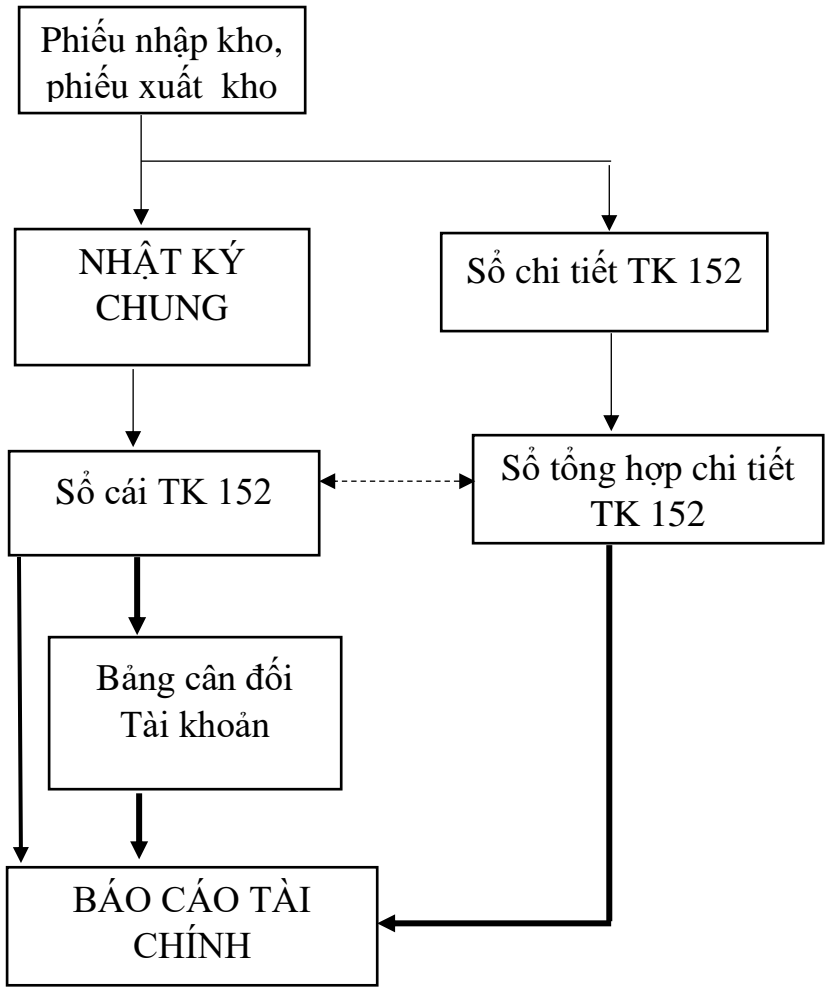
2.2.4.1. Chứng từ được sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan : phiếu chi, giấy báo nợ ,...

2.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 152 : Nguyên vật liệu
- TK có liên quan : TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

2.2.4.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kỳ : →
Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty CPVTB Hùng Vương

*** Ví dụ 3 (Theo ví dụ 1)**

Ngày 5/12/2019, công ty mua 450 lít nhớt HD 50 công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An. Đơn giá chưa thuế GTGT của nhớt là 60.760. Chi phí vận chuyển tính vào giá mua, thuế GTGT 10%.

- ❖ **Căn cứ vào HĐGTGT, phiếu nhập kho, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán lập sổ cái TK 152**

Ngày 7/12, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho, lập sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung, ghi lên sổ cái TK 152

*** Ví dụ 4 (Theo ví dụ 2)**

Ngày 11 /12/2019, công ty mua 1.500 lít dầu DO 0,05 S của công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An, đơn giá chưa thuế 16.060. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%

- ❖ **Căn cứ vào HĐGTGT, phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán lập sổ cái TK 152. Cuối kỳ, đối chiếu sổ cái TK 152 với bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu.**

Biểu số 2.1.4: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty CVTB Hùng Vương

Mẫu số S03 a - DNN

Địa chỉ : Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai, HB, HP Ban hành theo TT Số 133 / 2016 /TT- BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Stt dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
							
5/12	HĐGTGT 0005237 PN170	5/12	Mua nhót HĐ 50 nhập kho, chưa thanh toán			152 133 331	27.342.000 2.734.200	30.076.200
.....							
7/12	PX 172	7/12	Xuất kho nhót HĐ 50 cho bộ phận vận tải			621 152	12.721.185	12.721.185
11/12	HĐGTGT 000665 PN 175	11/12	Mua dầu DO 0,05S nhập kho chưa thanh toán			152 133 331	24.090.000 2.409.000	26.499.000
.....							
13/12	HĐGTGT 0000778 PX177	13/12	Xuất dầu DO 0,05S cho bộ phận sản xuất			621 152	15.731.232	15.731.232
.....							
16/12	PC112	16/12	Chi mua văn phòng phẩm			642 133 111	3.000.000 300.000	3.300.000
.....							
			Cộng số phát sinh				90.726.230.350	90.726.230.350

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.5 : Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty CVTB Hùng Vương

Mẫu số S03b - DNN

Địa chỉ : Số 1a, Cù Chính Lan, Minh Khai, HB, HP (Ban hành theo TT Số 133 / 2016 /TT- BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản 152 : Nguyên vật liệu

Số hiệu : 152

Năm : 2019

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		1.090.432.000	
5/12	PNK 170	5/12	Nhập kho nhót HĐ 50, chưa thanh toán	331	27.342.000	
....					
7/12	PXK 172	7/12	Xuất kho Nhót HĐ 50	621		12.721.185
....					
11/12	PN 175	11/12	Nhập kho Dầu DO 0,05S, chưa thanh toán	331	24.090.000	
....					
13/12	PX 177	13/12	Xuất kho Dầu DO0,05S	621		15.731.232
....					
			Cộng số phát sinh		1.754.500.000	1.780.400.000
			Số dư cuối kỳ		1.064.532.000	

- Số này có ... trang, đánh số từ trang ... đến

- Ngày mở sổ :...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

PHẦN 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP VTB HÙNG VƯƠNG

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP VTB Hùng Vương.

3.1.1 Đánh giá chung

Qua gần 16 năm thành lập và hoạt động. Công ty Cổ phần Vận tải Biển Hùng Vương đã vượt qua bao khó khăn, trắc trở để đạt những thành quả mong muốn. Công ty cũng khẳng định được vị trí của mình trên thị trường, thị phần của công ty ngày càng tăng. Để đạt những thành tựu trên là công sức phấn đấu của đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty.

Để tồn tại và phát triển công ty luôn phải quan tâm đẩy mạnh sản xuất, chú trọng đến chất lượng của sản phẩm. Công tác quản lý và bộ phận kế toán không ngừng củng cố và phát triển. Bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm, tính chất, quy mô của doanh nghiệp

Để không ngừng củng cố và hoàn thiện trong công tác hạch toán chính xác, kế toán nguyên vật liệu phải nắm rõ được tình hình biến động của từng nguyên vật liệu. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện của doanh nghiệp không thể tránh khỏi những hạn chế.

3.1.2 Ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty

Về bộ máy tổ chức quản lý :

- Công ty đã không ngừng cải tổ và hoàn thiện bộ máy quản lý, đào tạo đội ngũ công nhân viên, không ngừng đổi mới và bổ sung dây chuyền thiết bị. Điều đó giúp Công ty hoàn thành những mục tiêu đề ra, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Về tổ chức công tác kế toán :

- Tại công ty, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán. Công ty còn áp dụng phần mềm kế toán, việc lưu giữ thông tin được chặt chẽ, chính xác, kịp thời cung cấp thông tin cho kế toán trưởng xem xét . Nhờ đó, phòng kế toán hoàn thành tốt các nhiệm vụ

được giao, cung cấp thông tin cho ban lãnh đạo để đánh giá tình hình sản xuất trong công ty.

- **Hệ thống chứng từ sổ sách**, áp dụng tại công ty phù hợp với mẫu theo quy định của Bộ Tài Chính ban hành. Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ, phiếu, giấy kiểm nghiệm, sổ sách có liên quan. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục nhập – xuất trong kho, quản lý an toàn, chất lượng của sản phẩm. Hệ thống sổ ghi chép đầy đủ, rõ ràng. Quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty được kiểm soát chặt chẽ, giúp cho kế toán các ban lãnh đạo theo dõi kịp thời các nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức sổ Nhật ký chung, hình thức phù hợp với quy mô và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức sổ Nhật ký chung phù hợp, thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán. Việc tổ chức công tác kế toán tạo điều kiện thuận lợi để chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Công tác kế toán nguyên vật liệu** : Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có ưu điểm là vì hàng tồn kho, đặc biệt nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra liên tục phù hợp với đặc điểm sản xuất của công ty. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song, giúp cho phòng kế toán theo dõi chặt chẽ từng khâu thu mua cho đến các khâu liên quan đến bảo quản.

+ **Khâu thu mua nguyên vật liệu** : Công ty có đội cán bộ thu mua am hiểu thị trường giá cả nên công tác thu mua tương đối ổn định. Công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giao hàng đúng hạn và luôn kịp thời để đúng với kế hoạch sản xuất của công ty đã đề ra.

+ **Công tác dự trữ bảo quản** : Công ty có hệ thống kho bãi được tổ chức chặt chẽ, phân từng loại nguyên vật liệu, bảo quản từng vật tư. Nhân viên quản

lý kho luôn theo dõi tình hình biến động nguyên vật liệu tránh tình trạng thất thoát, vật tư gây thiệt hại đến tình hình sản xuất

+ **Phân loại nguyên vật liệu** : Nguyên vật liệu được công ty phân loại hợp lý, dựa trên nội dung kinh tế, vai trò của từng nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nguyên vật liệu

+ **Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu** : Công ty áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên, với phương pháp có tính linh hoạt cao giữa các bộ phận kho và các bộ phận khác có liên quan để kiểm soát đánh giá số lượng và giá trị hàng tồn kho trong mọi thời điểm, trong trường hợp đột xuất. Tránh các trường hợp sai sót trong quá trình ghi chép và quản lý. Theo dõi chặt chẽ giúp cho việc điều chỉnh, đưa ra các kế hoạch chiến lược mới nhanh chóng, hiệu quả và kịp thời với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.3 : Nhược điểm của công tác kế toán trong doanh nghiệp

Bên cạnh những mặt tích cực trong doanh nghiệp, còn một số những hạn chế trong công tác nguyên vật liệu cần phải khắc phục

- **Phần mềm kế toán**: Công ty đã áp dụng phần mềm kế toán ,nhưng kế toán sử dụng Excel và máy tính chỉ phục vụ cho việc tính toán, còn việc hạch toán vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán dễ bị sai sót

- **Về việc luân chuyển chứng từ** : Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất hóa đơn, chứng từ.

- **Về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho** : Nguyên vật liệu nhập kho tại công ty thì lớn, các kho bãi lớn. Công ty mới chỉ chú trọng đến số lượng, chất lượng thì còn chưa được chú trọng

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta không ngừng phát triển ,các doanh nghiệp đang có sự cạnh tranh khốc liệt để tìm chỗ đứng trên thị trường. Doanh nghiệp không ngừng nỗ lực, hoàn thiện và nắm rõ được thông tin chính

xác về tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Để hoàn thiện những kế hoạch đã đề ra, đó là cả một quá trình của ban lãnh đạo trong doanh nghiệp và công nhân viên. Vì vậy kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng các nhu cầu trong quản lý.

Để nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như nâng cao công tác kế toán nguyên vật liệu, cần có những yêu cầu sau :

- Các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu của các ban lãnh đạo trong công ty

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (ngành nghề kinh doanh, mô hình sản xuất kinh doanh, đặc biệt quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp,..), đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Hoàn thiện nhưng không lãng phí gây thất thoát những chi phí không đáng có, tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của doanh nghiệp. Để đạt được những mục tiêu, tăng doanh thu, doanh nghiệp cũng cần có biện pháp giảm chi phí. Đây là nhu cầu thiết yếu mà doanh nghiệp nào cũng ưu tiên đề ra.

3.2.1 Hoàn thiện hiện đại hóa Công tác kế toán

Phần mềm kế toán như một công cụ hỗ trợ đắc lực, không thể thiếu trong doanh nghiệp, trong việc quản lý, theo dõi các nghiệp vụ hàng ngày ,

- + Giúp cho hoạt động kế toán của doanh nghiệp tăng chính xác cao
- + Tiết kiệm được nhiều thời gian và tăng hiệu quả làm việc tại các doanh nghiệp
- + Không chỉ giúp tiết kiệm được thời gian, phần mềm kế toán còn giúp cho tiết kiệm một khoản chi phí không nhỏ cho công ty,

- + Phần mềm kế toán còn là công cụ giúp lưu trữ các số liệu một cách hoàn hảo. Thay vì quản lý thông tin bằng sổ sách giấy, giúp lưu trữ thông tin tiện lợi hơn, dễ dàng tra cứu thông tin khi cần thiết, hạn chế được nguy cơ bị thất lạc thông tin.

- + Giúp cho ban lãnh đạo của doanh nghiệp kiểm tra tình hình doanh thu qua số liệu để dễ dàng đưa ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn.

Các phần mềm kế toán thông dụng :

1. Phần mềm Misa

****Ưu điểm :*** - Giao diện đơn giản, dễ sử dụng

- Đầy đủ các nghiệp vụ kế toán về các lĩnh vực; thương mại, dịch vụ, xây dựng,...

- Tiết kiệm thời gian xử lý công việc, độ chính xác cao

- Cập nhật đầy đủ nhanh chóng, thường xuyên các quy định mới của pháp luật, đầy đủ các nghiệp vụ kế toán theo đúng quy định hiện hành

- kết nối dễ dàng với tổng cục thuế, hóa đơn điện tử, sử dụng hóa đơn, giao dịch ngân hàng ,..

- hỗ trợ khách hàng qua các nghiệp về tiền mặt, ngân hàng, phân bổ chi phí mua hàng, theo dõi công nợ, quản lý hóa đơn, quản lý tiền lương, kho ,...

- được dùng miễn phí sản phẩm

- bảo mật thông tin cao

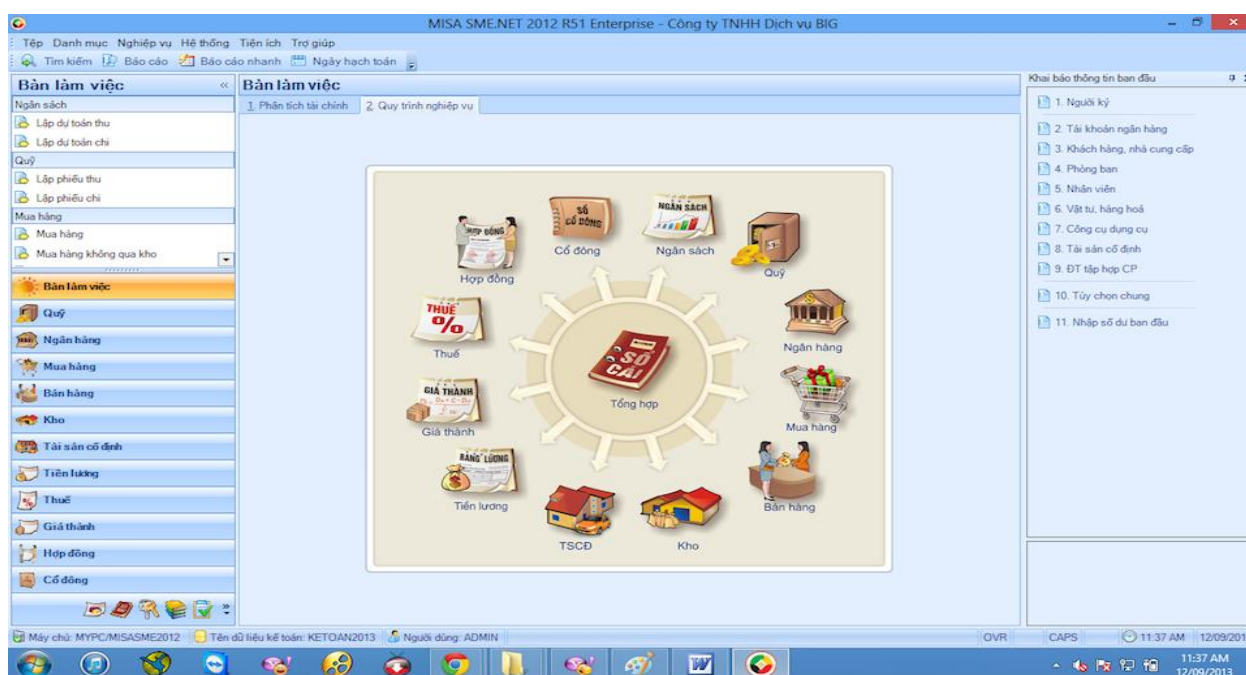
****Nhược điểm :***

- Phần mềm đòi hỏi máy tính có cấu hình máy tương đối cao, chương trình của phần mềm phải chạy mượt.

- Misa thường bảo trì nâng cấp hệ thống, thường xuyên xảy ra tình trạng lỗi ,..

- Phân hệ tính giá thành chưa được chú ý.

Giao diện phần mềm kế toán MISA



2. Phần mềm kế toán FAST

* **Ưu điểm:** đầy đủ đáp ứng nhu cầu quản lý của từng loại doanh nghiệp.

- Báo cáo quản trị đa dạng : Mỗi phân hệ đều có các báo cáo phân tích theo nghiệp vụ riêng.

- Tốc độ xử lý nhanh

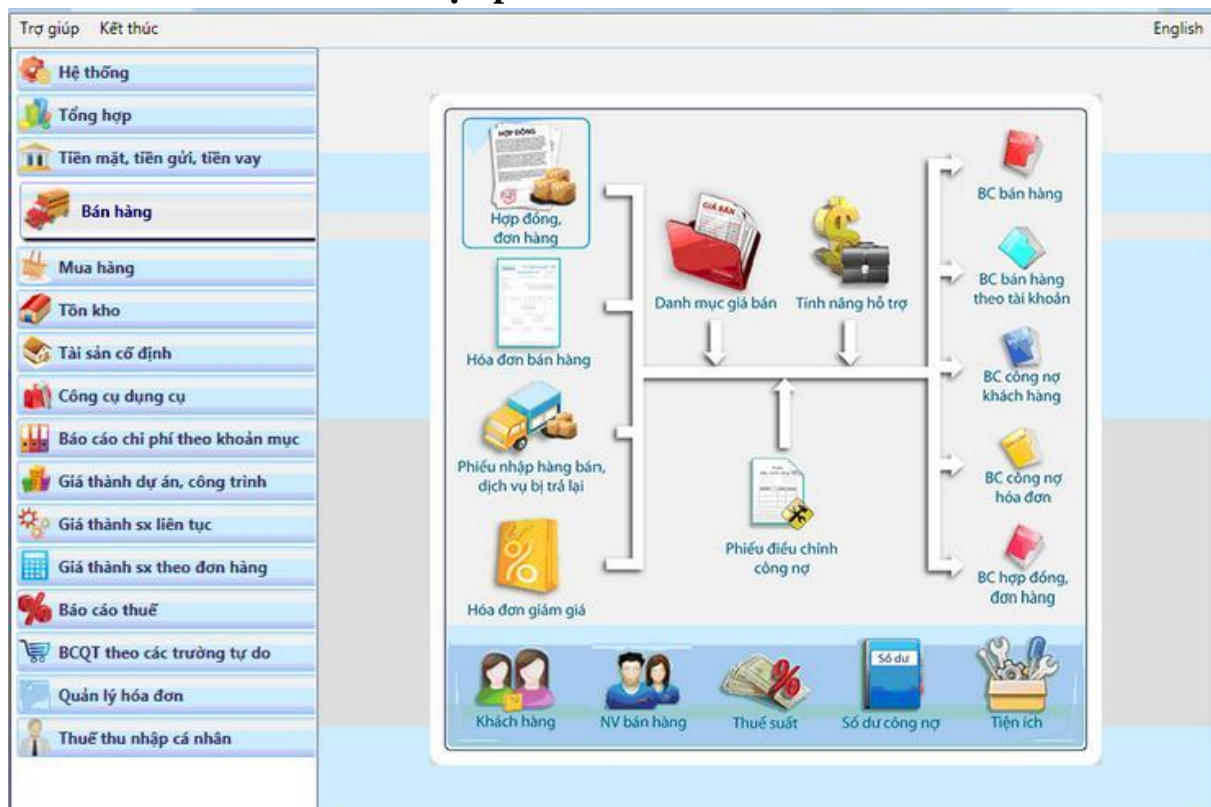
* **Nhược điểm:**

- Tính bảo mật chưa cao, trông thao tác thường xảy ra lỗi

- Dung lượng lớn

- Tính năng đa dạng, nên người dùng đôi khi không biết sử dụng tính năng

Giao diện phần mềm kế toán FAST



3. Phần mềm kế toán 3TSOFT

Phần mềm 3TSOFT là phần mềm kế toán đáng để sử dụng cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ.

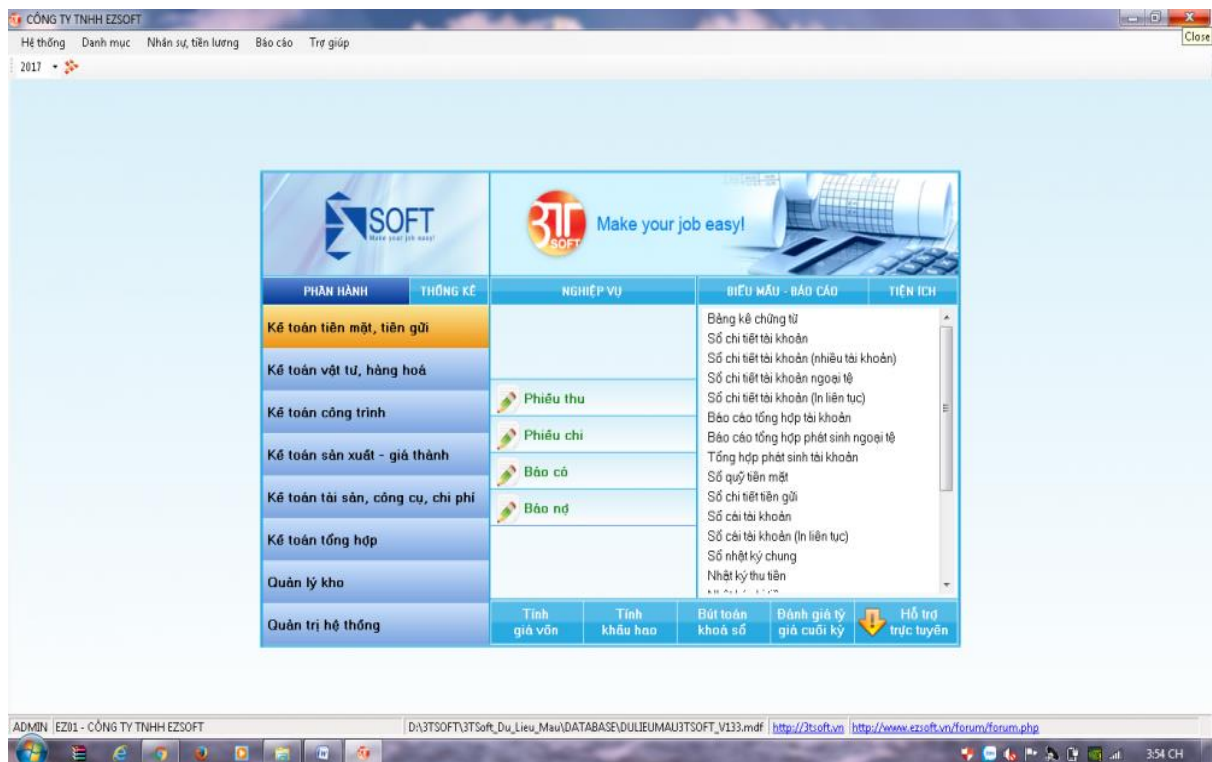
*Ưu điểm :

- Giá thành thấp, ưu đãi một năm bảo trợ miễn phí, nâng cấp thay đổi phiên bản không tốn thêm phí
- Dung lượng nhẹ, cài đặt nhanh, không yêu cầu cấu hình máy tính cao
- Không giới hạn số máy và số người sử dụng
- Là phần mềm đa ngôn ngữ

* Nhược điểm :

- Giao diện khó sử dụng
- Trong danh mục không phân rõ danh mục, nhân viên, khách hàng.

Giao diện phần mềm kế toán 3TSOFT



3.1.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi chứng từ được luân chuyển thì các bên giao và nhận chứng từ phải có ký nhận và được xác minh về mọi mặt như tính hợp pháp, hợp lệ, sự rõ ràng của chứng từ trước khi ghi chép vào sổ. Nếu trong quá trình kiểm tra chứng từ, phát hiện ra vi phạm các chính sách hay chế độ kế toán, báo ngay cho ban quản lý có phương án xử lý kịp thời

Biểu 3.1 : SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm:...

STT	Chứng từ		Nội dung ghi trên chứng từ	Số tiền ghi trên chứng từ	Ký tên	
	SH	NT			Người giao	Người nhận

3.1.3 Hoàn thiện công tác kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm

Đối với doanh nghiệp, thì chất lượng là yếu tố quan trọng trong doanh nghiệp. Mặc dù nguyên vật liệu trong công ty thì đa dạng và phong phú, nhưng công ty vẫn mắc những lỗi trong khâu kiểm tra chất lượng.

Vì vậy công ty lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách chất lượng nguyên vật liệu trong quá trình nhập kho cũng như chất lượng trong quá trình bảo quản, từ đó căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Biểu số 3.2

Công ty CPVTB Hùng Vương

Mẫu số 03-VT

Số 1a, Cù Chính Lan, P.MK ,HB,HP

(Ban hành theo TT số 133/2016 /TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư ,công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 11 tháng 12 năm 2019

- Căn cứ vào HĐGT số 0000665 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An

Ban kiểm nghiệm gồm

+ Ông bà Bùi thanh xuân - Trưởng ban

+ Ông bà Nguyễn Thị Trang - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Dầu DO 0,05S			Lít	1.500	1.500	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Hàng đủ tiêu chuẩn về số lượng và chất lượng

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

3.1.4. Một số giải pháp khác

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cũng cần phải quan tâm đến nhân sự ;

- Bồi dưỡng đào tạo, các nghiệp vụ nâng cao kiến thức cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là am hiểu về các chuẩn mực kế toán mới
- Tăng cường kiểm tra cán bộ công nhân viên, hoàn thành tốt các nhiệm vụ công việc được bàn giao
- Các phòng ban kế toán phải có sự liên kết chặt chẽ, tránh tình trạng mất ổn định
- Tổ chức giờ làm việc một các khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả cao trong công việc
- Có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc.

KẾT LUẬN

Nguyên vật liệu là trong những yếu tố đầu vào chiếm tỷ lệ khá lớn và là một bộ phận dự trữ sản xuất quan trọng nhất của doanh nghiệp. Cung ứng nguyên vật liệu kịp thời và giá cả hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Khi tiến hành sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau. Để quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ thì nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp cần phải phân loại thành nhiều tiêu chí phù hợp. Vì vậy, nếu tổ chức tốt công tác kế toán sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Khóa luận tốt nghiệp đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CPVTB Hùng Vương” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống bao quát được lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CPVTB Hùng Vương với các sổ sách, số liệu.
- Đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ còn nhiều hạn chế, vẫn xảy ra những lỗi sai sót không tránh khỏi, em mong nhận được sự đóng góp của thầy cô trong khoa để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin cảm ơn côTh.s Lê Thị Nam Phương, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Mạc Thị Thanh Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2016), thông tư số 133/2016 /TT-BTC ngày 26/08/2016 Chế độ kế toán doanh nghiệp , Hà Nội.
2. Tài liệu , các chứng từ , sổ sách kế toán năm 2019 tại Công ty CPVTB Hùng Vương
3. Tài liệu trên trang webketoan, các tài liệu liên quan đến kế toán ,..
4. Tham khảo các bài khóa luận của các anh chị khóa trên.